

Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự Toàn Tập Giảng Ký

phần 2

Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không
Giảng tại: Tịnh Tông Học Viện Úc Châu
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Tập 04

6. A Di Đà Kinh

6.1. Giải thích tựa đề kinh

Chư vị đồng học!

Xin xem Đệ Nhất Thời Pháp Sự. Trước phần Đệ Nhất Thời Pháp Sự, đọc ba lượt Nam Mô Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát, tôi đã giới thiệu cùng quý vị rồi. Đoạn văn lớn kế tiếp đó là tụng kinh, tụng Phật Thuyết A Di Đà Kinh. Cũng cần phải đem toàn văn bản kinh này giới thiệu giản lược cùng quý vị, bởi lẽ, trong phần pháp sự Hệ Niệm này, chúng tôi đã tinh lược [phần giải thích] huyền nghĩa kinh A Di Đà; nhưng phần đầu [của kinh này] là đề mục kinh, phải giảng qua đề mục kinh cái đã.

Trong kinh đã nêu rất rõ, kinh này vốn có tên là **Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh** (稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經). Đó là tên gốc của bản kinh này, danh xưng ấy do chính đức Thế Tôn nói ra. Từ tựa đề kinh, chúng ta có thể thấy được nghĩa thú¹[1] của bộ kinh này. "Xưng Tán" có năng xưng tán và sở xưng tán. Năng xưng tán (người xưng tán) là "*nhất thiết chư Phật*" (hết thảy chư Phật), chứ chẳng phải ai khác, thực sự chẳng thể nghĩ bàn, sở xưng tán (cái được xưng tán) là "*bất khả tư nghị công đức*", tức là công đức chẳng thể nghĩ bàn. Công là "*chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn*"; Đức là "*đới nghiệp vãng sanh, đốn siêu viên chứng*". Ở đây, chúng tôi lại phải giải thích sơ lược như sau: "*Nhất thiết chư Phật*" là nói mười phương ba đời, chẳng sót một đức Phật nào. Chẳng phải một đức Phật xưng tán hay một vài đức Phật xưng tán, chẳng phải vậy! Mười phương ba đời hết thảy chư Phật đều xưng

[1] Nghĩa thú: Chỗ quy kết của toàn bộ nghĩa lý trong một bộ kinh.

tán. Ngoài ra còn có nghĩa là bốn mươi một địa vị Phần Chứng Phật cũng đều xứng

tán. Đây là hiểu theo nghĩa rộng, ý nghĩa này là thật, chẳng phải giả vậy!

Pháp Thân Bồ Tát có năng lực quán sát căn cơ, trí huệ, đức năng, thần thông rất gần với Như Lai, các Ngài tiếp dẫn hết thảy chúng sanh, đều có năng lực quán sát những kẻ đó từ xưa đến nay, thấy được đời đời kiếp kiếp trong quá khứ của kẻ đó. Vì sao thấy được? Vì đối với người đã minh tâm kiến tánh, thời gian và không gian không còn nữa. Không có không gian nên chẳng có xa - gần; không có thời gian nên chẳng có quá khứ, hiện tại, vị lai. Dẫu là đời quá khứ trong bao kiếp lâu xa cũng giống hệt như ở trước mắt, rõ ràng, rành rẽ, hết sức minh bạch. Biết kẻ ấy trong đời đời kiếp kiếp thưở quá khứ đã từng học những gì, hiện tại gặp gỡ bèn dạy kẻ ấy tu học pháp môn tương ứng với những điều kẻ đó đã học trong quá khứ, kẻ ấy sẽ học rất hào hứng, chẳng cảm thấy khó khăn chi, lại tiến bộ rất nhanh. Vì sao? Trong A Lại Da Thức đã có chủng tử rồi!

Lúc thiện tri thức dạy kẻ đó pháp môn ấy, chủng tử tập khí trong A Lại Da Thức bèn phát khởi. Người tu hành chứng quả có năng lực ấy, những vị đại đức chưa chứng quả không có năng lực đó; nhưng nếu như đã từng dạy dỗ trong một thời gian dài, tiếp xúc nhiều người, vị đó sẽ có kinh nghiệm phong phú, giống như những kẻ xem tướng đoán mạng, trong một đời người ấy đã gặp bao nhiêu người, gặp người nhiều quá, cũng có phần nào năng lực phân tích, nhưng phương pháp quán sát căn cơ của họ chẳng thể mười phần chuẩn xác. Những ai thực sự có học vấn, thực sự có công phu, gần như đương nhiên là phải có khả năng phỏng đoán đúng tới sáu bảy phần. Vị đó chỉ dạy, đề nghị quý vị tu học pháp môn nào; nếu quý vị thực sự nghiêm túc nỗ lực tu học thì cũng sẽ có thành tựu. Đó là từ kinh nghiệm của vị ấy; nếu chẳng có kinh nghiệm, sẽ khó lòng làm được!

Chúng ta gặp được một vị thiện tri thức chẳng phải là chuyện dễ. Cổ nhân thường nói đó là "duyên thầy trò", thầy trò có duyên phận cũng là có thể gặp gỡ, chứ chẳng thể cầu được. Thật vậy, thế tục thường nói "quý vị do vận hên bèn gặp". Có người suốt đời mong gặp thiện tri thức, cầu gặp được một vị thầy tốt, mà suốt đời chẳng gặp, vì chẳng có duyên phận. Nói đúng ra, cốt lõi của cái duyên phận ấy là quý vị có chân thành ham học hay không. Đây chính là nhân tố trọng yếu nhất! Tâm chân thành ham học, biết đạo, biết tôn sư trọng đạo, đầy đủ Tín - Giải - Hạnh; chưa cần nói đến Chứng, tối thiểu là có thể tin, có thể hiểu, có thể y giáo phụng hành. Có đủ những điều kiện đó, đương nhiên là có khả năng gặp được chân thiện tri thức. Nhà Phật thường nói: "*Phật thị môn trung, bất xả nhất nhân*" (Trong

cửa Phật, chẳng bỏ một ai), đó là Cảm. Chính bản thân ta phải có đủ những điều kiện ấy là Cảm; hễ có Cảm thì Phật, Bồ Tát liền Ứng. Nói tóm lại, pháp thế gian hay xuất thế gian đều chẳng ngoài đạo lý cảm ứng.

Trong kinh này, người xưng tán là hết thầy chư Phật, cái được xưng tán là "*bất khả tư nghị công đức*". Công là gì? "*Chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn*", công chẳng thể nghĩ bàn; thấy đơn giản quá! Càng đơn giản, đạo lý càng sâu! Nếu chẳng thấu triệt đạo lý, sẽ chẳng thể khen ngợi sự việc ấy. Mọi người cứ nghĩ chấp trì danh hiệu là chuyện của mấy bà già, dễ dàng quá, há có thể thành tựu được sao? Tôi học Phật từng gặp rất nhiều người như thế, phê bình Tịnh Độ, miệt thị Tịnh Độ, chẳng coi Tịnh Độ ra gì, coi đó là pháp thấp hèn nhất của Phật pháp: Người trình độ tệ nhất không còn cách nào dạy được thì dạy họ niệm A Di Đà Phật vậy!

Lúc tôi mới học Phật cũng nghĩ như thế. Tôi sanh khởi tín tâm đối với pháp môn này là nhờ đọc kinh Hoa Nghiêm. Mọi người đều ca tụng Hoa Nghiêm là pháp luân căn bản, là vô thượng bảo điển của Phật pháp, ai nấy đều công nhận như vậy, không ai chẳng tôn trọng nó. Kinh A Di Đà đem so với Hoa Nghiêm thì khác biệt nhiều lắm, như trời với đất vậy.

Trước kia, ba mươi mấy năm trước, tôi giảng kinh Hoa Nghiêm ở Đài Bắc. Lúc đó là năm Dân Quốc 60 (1971), năm nay là Dân Quốc 92 (2003), đúng ba mươi hai năm trước. Mỗi Chủ Nhật tôi giảng ba lần, hình như lúc ấy mỗi lần giảng một tiếng rưỡi. Hai lần giảng Bát Thập Hoa Nghiêm (kinh Hoa Nghiêm bản 80 cuốn), một lần giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm (kinh Hoa Nghiêm bản 40 cuốn). Tứ Thập và Bát Thập giảng đồng thời. Giảng một thời gian khá dài, có một bữa tâm huyết sôi nổi, nghĩ Văn Thù, Phổ Hiền học pháp môn gì? Đề tử đặc ý nhất của Văn Thù là Thiện Tài, Bồ Tát dạy Thiện Tài học pháp môn nào? Tôi khởi lên nghi vấn ấy, tra kinh, đương nhiên đọc đến cuối kinh vẫn không thấy nói.

Tra kỹ lần nữa, tôi bèn nghi hoặc: Văn Thù, Phổ Hiền đều phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, lại xem kỹ phần nói về Thiện Tài, Thiện Tài đặc Căn Bản Trí trong hội của ngài Văn Thù, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân trong hội của ngài Văn Thù. Thiên Tông gọi đó là đại triệt đại ngộ, bên Giáo Hạ gọi là đại khai viên giải. Lúc ấy, Văn Thù Bồ Tát dạy đồng tử đi tham học. Tham học là thành tựu Hậu Đặc Trí. Trong kinh Đại Bát Nhã nói: "*Bát Nhã vô tri, nhưng không gì chẳng biết*". "Vô tri" là Căn Bản Trí, "không gì chẳng biết" là Hậu Đặc Trí. Thiện Tài đã thành tựu Căn Bản Trí, thầy của Ngài dạy Ngài đi tham học, tức là năm mươi ba lần tham học trừ danh.

Phương pháp tu học Căn Bản Trí và Hậu Đặc Trí hoàn toàn chẳng giống

nhau. Căn Bản Trí là "*thâm nhập một môn, huân tu dài lâu*", chẳng thể tiếp xúc tùy tiện với bất cứ ai, chẳng thể tiếp xúc tùy tiện với bất cứ pháp nào, tâm phải định. Dùng Thiền Định rất sâu để buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, khôi phục chân tâm bốn tánh. Đó là kiến tánh. Kiến tánh rồi, phương pháp dạy của thầy thay đổi một trăm tám mươi độ, dạy như thế nào? Bất cứ ai cũng tiếp xúc được, bất cứ việc gì cũng tham dự được, chẳng còn thâm nhập một môn nữa, mà là học rộng nghe nhiều! Bởi vậy, lúc đó tôi mới thực sự hiểu rõ Tứ Hoảng Thệ Nguyễn nói gì. "*Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn*" là Căn Bản Trí, "*pháp môn vô lượng thệ nguyện học*" là Hậu Đắc Trí. Chúng tôi mới hiểu rõ thế nào là "*không gì chẳng biết*": Không nhất định là một vị thầy nào, ai cũng đều là thầy cả, mọi sự, mọi vật đều là tài liệu để học tập, bởi thế mới thành tựu "*không gì chẳng biết*".

Chúng ta thấy một vị thiện tri thức ban đầu hết sức quan trọng! Cổ nhân Trung Quốc thường nói: "*Tiên nhập vi chủ*" (Điều gì học đầu tiên sẽ là chánh yếu), vị thiện tri thức đầu tiên quan trọng hơn mọi thứ khác. Hãy xem kỹ phần tỳ-kheo Cát Tường Vân²[2]; vì tôi giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm, Tứ Thập Hoa Nghiêm là bản hoàn chỉnh của Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyễn Phẩm³[3], gồm bốn mươi quyển. Tỳ-kheo Cát Tường Vân tu pháp môn gì? Pháp môn Niệm Phật. Ngài dạy Thiện Tài hai mươi một pháp môn Niệm Phật, hai mươi một môn ấy bao gồm hết thầy Phật pháp, không môn nào chẳng phải là pháp môn Niệm Phật, diệu kỳ chẳng thể nói nổi.

Nếu chúng ta vẫn chưa nắm được yếu lĩnh, hãy quan sát kỹ Ngài tu pháp môn Niệm Phật nào? Nhìn kỹ hơn sẽ thấy: Ngài tu pháp môn niệm A Di Đà Phật, đã thế, lại còn tu Trì Danh Niệm Phật; trong Tịnh Tông gọi là Phật Lập Tam Muội, chuyên niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ. Pháp này còn gọi là Ban Châu Tam Muội, dững mãnh tinh tấn đêm ngày chẳng nghỉ ngơi, suốt ngày suốt đêm. Thông thường hạn kỳ tu hành Ban Châu Tam Muội là ba tháng, lấy ba tháng làm một giai đoạn hay một kỳ. Trong ba tháng chẳng được ngủ nghỉ nên gọi là Phật Lập. Có thể đứng hoặc đi, nhưng quan trọng nhất là chẳng được ngồi xuống, chẳng được nằm, rất khổ sở! Đại khái tu pháp môn này, tuần lễ đầu rất khổ, qua được một tuần rồi bèn thấy bình thường. Phá được cửa ải bèn thấy bình thường. Khế nhập cảnh giới nên pháp hỷ sung mãn!

2[2] Tỳ-kheo Cát Tường Vân (Meghasrī-bhikṣu), còn được dịch là tỳ-kheo Đức Vân (trong Bát Thập Hoa Nghiêm).

3[3] Bản Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyễn Phẩm hiện đang lưu hành hiện thời là quyển cuối bị thiếu trong bản Tứ Thập Hoa Nghiêm, bản Bát Thập Hoa Nghiêm gọi phẩm tên phẩm này là Nhập Pháp Giới. Trong Tứ Thập Hoa Nghiêm, phẩm này có tên gọi là Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyễn Phẩm, gồm 40 quyển.

Xưa kia có người tu pháp môn này, người hiện tại chẳng làm được! Căn tánh người hiện tại chẳng bằng tiền nhân, quyết tâm, nghị lực chẳng bằng tiền nhân, thân thể chẳng bằng tiền nhân; trước kia, người ta khỏe mạnh hơn. Nói thật ra, về chuyện tu hành, cổ nhân thường nói tu hành phải bắt đầu từ lúc tuổi trẻ, có tinh thần, có thể lực, tuổi cao chẳng làm được! Nói chung, từ bốn mươi tuổi trở lên là khó khăn rồi, thể lực đã suy, tinh thần chẳng đủ. Bốn mươi mấy tuổi mới tu là "mất dê mới lo làm chuông", nhưng có tu vẫn hơn không tu. Chúng tôi thấy cổ nhân thành tựu đều là người trẻ tuổi. Lục Tổ Huệ Năng đại sư của nhà Thiền khai ngộ năm hai mươi bốn tuổi, Ngũ Tổ đem y bát truyền cho. Hôm qua tôi giới thiệu Trung Phong quốc sư cùng quý vị, năm hai mươi lăm tuổi xuất gia, năm hai mươi bảy khai ngộ, tuổi đều rất trẻ. Thật là đại triệt đại ngộ, thấu triệt nguồn đáy. Đương nhiên, từ truyện ký ta thấy các Ngài chẳng phải là hạng tầm thường, mà là bậc tái lai. Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta thị hiện: Năm ba mươi tuổi khai ngộ, thành Đẳng Chánh Giác, chứng đắc Phật quả. Thành Phật rồi bèn khởi đầu công việc hoằng pháp lợi sanh, nói theo cách chúng ta bây giờ là giáo dục, dạy học trong xã hội đa nguyên văn hóa suốt bốn mươi chín năm, mãi cho đến khi viên tịch năm tám mươi tuổi.

Trong bốn mươi chín năm ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật chưa từng nghỉ phép, chưa từng nghỉ ngơi. Vì sao vậy? Đó là chuyện sanh tử đại sự, chẳng phải chuyện tầm thường. Liễu sanh tử, xuất tam giới, làm sao nghỉ ngơi được? Nghỉ một chút, công phu gián đoạn giữa chừng, bèn thoái chuyển. Ngạn ngữ Trung Quốc có câu: "*Cầu học như chèo thuyền ngược nước, bất tất tắc thoái*" (Cầu học như chèo thuyền ngược nước, chẳng tiến ắt lùi). Tu đạo cũng chẳng ra ngoài lệ ấy, chỉ cần quý vị chẳng tiến, ngay lập tức bị lùi, vĩnh viễn phải tiến lên mới hòng đảm bảo mình chẳng bị thoái chuyển. Phải khắc phục hết thảy phiền não tập khí của chính mình, dùng sức mạnh nào để khắc phục? Điều này trong những lần giảng pháp chúng tôi đã nói rất nhiều: Hiếu học! Nói cách khác là làm thế nào để vun bồi ý nguyện ham học của chúng ta! Ý nguyện ham học mạnh mẽ sẽ chẳng bị thoái chuyển. Ý nguyện ham học mạnh mẽ sẽ dễ khế nhập cảnh giới, thực sự khế nhập, pháp hỷ sung mãn!

Trong sách Luận Ngữ có một câu ý vị vô cùng! "*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ*" (tạm dịch: Học rồi thực hành theo, cũng chẳng sướng sao?): Sự sung sướng ấy khiến ta quên hết tất cả, gian nan khổ sở nào cũng đều quên hết, cũng chẳng vui sướng sao? Vui sướng gì vậy? Vui sướng học. Các đồng học xuất gia chúng ta, các đồng học học Phật vui nơi Đạo, mùi vị của Đạo so với Học càng nồng đậm hơn. Quý vị học Phật, nghiên cứu giáo

pháp mà vẫn chẳng khởi tâm hoan hỷ thì quý vị chưa vào được cửa. Đối với kinh giáo, quý vị là người học tập kinh giáo, phải sanh lòng hoan hỷ thì quý vị mới vào được cửa. Niềm lạc thú đó, nỗi hoan hỷ đó, tất cả hết thảy pháp trong thế gian không gì có thể sánh bằng, đây là cảnh giới tương ứng.

Tôi thấy đầu tiên là tỳ-kheo Cát Tường Vân hành Ban Châu Tam Muội, niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ, tinh tấn như thế đó; Thiện Tài tham phỏng Ngài đầu tiên, chẳng phải là nhập pháp nào trước hết thì pháp đó là chủ yếu hay sao? Sau đó, lại tham phỏng các thiện tri thức khác, mỗi một vị thiện tri thức tu học pháp môn bất đồng, Thiện Tài đều tham học hết. Chúng tôi lại thấy cuối cùng, vị thiện tri thức thứ năm mươi ba là Phổ Hiền Bồ Tát. mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc, tôi mới hoảng nhiên đại ngộ. Quý vị thấy đó: Pháp môn đầu tiên là Niệm Phật, pháp môn cuối cùng là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, tôi liền hiểu rõ Thiện Tài đồng tử tu pháp môn nào? Suốt từ đầu đến cuối là niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ, công đức chẳng thể nghĩ bàn!

Do đây, tôi hiểu rõ, không ai giảng cho tôi cả, nhờ kinh Hoa Nghiêm tôi dứt sạch mỗi ngờ vực ấy, chết sạch lòng mong ngóng, so đo, khiêm hư sát đất niệm Phật. Thật chẳng dễ dàng, kinh A Di Đà nói [trì danh niệm Phật] là pháp khó tin, quả thật là khó! Tôi học Phật mười mấy năm mới phát sanh tín tâm đối với Tịnh Độ, mới hiểu được ý nghĩa của tên kinh - **"Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức"**, mới lãnh hội được đôi chút. Thật cảm tạ Thiện Tài, Văn Thù, Phổ Hiền Bồ Tát.

"Chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn, đối nghiệp vãng sanh, đốn siêu viên chứng", câu này thật trọng yếu. Đối nghiệp vãng sanh, phẩm vị vãng sanh cũng chẳng phải là thấp lắm. Dẫn cho vãng sanh Hạ Hạ Phẩm trong Phàm Thánh Đồng Cư Độ cũng là đốn siêu viên chứng. Trước đây tôi đã thưa cùng quý vị, chúng tôi đọc trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, chính đức Phật nói: Hạ Hạ Phẩm Vãng Sanh trong Phàm Thánh Đồng Cư Độ tối đa là mười hai kiếp, hoa nở, thấy Phật, ngộ Vô Sanh. Đó là sanh về đâu? Sanh vào Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm Độ là Địa Thượng Bồ Tát (bậc Bồ Tát từ Sơ Địa trở lên).

Đối với các pháp môn thông thường, như trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật nói rất nhiều pháp môn khác, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, đó là bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo. Tính từ ngày đó trở đi cho đến khi thành tựu [Phật quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác] phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Quý vị phải nghe cho thật rõ: Ba đại A-tăng-kỳ kiếp! A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất tu ba mươi địa vị: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, ba mươi địa vị [phải tu chứng] trong A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất. A-

tăng-kỳ kiếp thứ hai tu bảy địa vị, từ Sơ Địa cho đến Thất Địa. A-tăng-kỳ kiếp thứ ba tu ba địa vị Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa. Bởi thế, tu xong ba đại A-tăng-kỳ kiếp sẽ thực sự chứng đắc quả vị gì? Pháp Vân Địa Bồ Tát, rất gần với quả vị rốt ráo, sở chứng của địa vị này là Tịch Diệt Nhẫn. Pháp Vân Địa là hạ phẩm Tịch Diệt Nhẫn, Đẳng Giác là trung phẩm Tịch Diệt Nhẫn, Diệu Giác là thượng phẩm Tịch Diệt Nhẫn.

Nói "ba đại A-tăng-kỳ kiếp" là từ Sơ Trụ của Viên Giác cho đến Pháp Vân Địa Bồ Tát, bốn mươi địa vị phải tu mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Người vãng sanh Hạ Hạ Phẩm về Tây Phương Cực Lạc thế giới, mang theo nghiệp, đến khi hoa nở thấy Phật, hãy nhớ kỹ tiếp đó là "*ngộ Vô Sanh*", câu này rất trọng yếu! Ngộ Vô Sanh là gì? Vô Sanh Pháp Nhẫn là sở chứng của Thất Địa Bồ Tát. Quý vị hãy nghĩ xem, trong thời gian mười hai kiếp ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, Bồ Tát ở các nơi khác phải tu hành hai đại A-tăng-kỳ kiếp, trong khi ở Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ mất thời gian mười hai đại kiếp, không gì sánh bằng được! Tu hành trong thế giới Tây Phương rất nhanh chóng!

Chúng ta nghĩ xem vì sao họ thành tựu nhanh chóng như thế? Nói theo thuật ngữ trong kinh Phật, họ được "*oai thần bốn nguyện của Phật A Di Đà gia trì*", nâng cao [cảnh giới] thật nhanh. Nếu nói theo cách nói của người thế gian thông tục chúng ta, họ được quang minh của A Di Đà Phật tưới gội, vì sao vậy? Họ là học trò của A Di Đà Phật, chứ còn sao nữa! Quý vị thấy trong kinh Vô Lượng Thọ, Thích Ca Mâu Ni Phật tán thán A Di Đà Phật, đó là Ngài đã thay mặt cho mười phương ba đời hết thầy chư Phật để tán thán, đức Thế Tôn tán thán A Di Đà Phật là "*quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*" (ánh sáng tôn quý nhất, là vua của các vị Phật). Bởi thế, hết thầy chư Phật, dù các đức Phật đều bình đẳng, địa vị thực sự bình đẳng, trí huệ bình đẳng, đức tướng bình đẳng, nhưng trong sự bình đẳng ấy, có riêng một đức Phật được hết thầy chư Phật tôn kính. Không đức Phật nào chẳng tôn kính A Di Đà Phật, không vị Phật nào chẳng kính ngưỡng A Di Đà Phật. Học trò của A Di Đà Phật được quang minh chiếu đến, bất luận thân cận một vị Phật nào, vì là học trò của A Di Đà Phật nên được đặc biệt chiếu cố, thật là hy hữu!

Phật Di Đà thực sự gia trì kẻ đó, dù phiền não tập khí chưa đoạn, kẻ ấy vẫn có năng lực tham phòng mười phương hết thầy Như Lai. Trong kinh không nói nhiều, chỉ nói là tham phòng mười phương mười vạn ức Phật; nói như vậy là có dụng ý, dụng ý gì vậy? Tây Phương Cực Lạc thế giới cách thế giới Sa Bà mười vạn ức cõi Phật. Ý nói: Quý vị đến thế giới Cực Lạc rồi, trở về thế giới này rất dễ dàng, mỗi ngày đều có thể trở về, muốn về là về,

dụng ý là đây: Có năng lực như thế đó! Tham phòng chư Phật, đương nhiên quý vị nghe chư Phật thuyết pháp, mở mang trí huệ, chẳng phải là pháp sư tầm thường, mà chính là chư Phật đích thân giảng kinh thuyết pháp cho ta. Quý vị ra đi, đương nhiên cúng Phật, cúng Phật là tu phước báo. Bởi thế, quý vị đến tham phòng chư Phật là phước huệ song tu, hằng ngày tham phòng, còn gì tuyệt hơn! Bởi thế, người ấy tu hành chứng quả chỉ cần mười hai kiếp là thành công. Quý vị tu hành trong mọi cõi Phật khác phải mất hai A-tăng-kỳ kiếp, tu trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ mười hai kiếp là thành.

Văn Thù, Phổ Hiền là Đẳng Giác Bồ Tát trong thế giới Hoa Tạng, vì sao cũng muốn về Tây Phương Cực Lạc thế giới? Ở đây có hai ý nghĩa:

1) Nghĩa thứ nhất là đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thành tựu nhanh hơn so với thế giới Hoa Tạng. Trong thế giới Hoa Tạng phải mất một A-tăng-kỳ kiếp, đến thế giới Cực Lạc chỉ cần một hai ngày là thành công, đương nhiên phải về đó.

2) Nghĩa thứ hai là làm gương cho chúng ta thấy. Trong các vị Bồ Tát, chúng ta ngưỡng mộ, sùng bái Văn Thù Bồ Tát. Nghe nói Văn Thù, Phổ Hiền cũng đều phải cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta còn nói gì nữa, đương nhiên theo gót các Ngài.

Từ đây ta mới thực sự thấu hiểu "*chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn, đối nghiệp vãng sanh, đốn siêu viên chứng*" là tán thán "*công đức chẳng thể nghĩ bàn*".

Kinh này là "*nhất thiết chư Phật sở hộ niệm kinh*", tức là kinh được hết thảy chư Phật hộ trì, được hết thảy chư Phật nghĩ tới. "*Hộ*" (護) là hộ pháp! Pháp môn Niệm Phật là đại pháp bậc nhất để hết thảy chư Phật độ chúng sanh, là đại pháp bậc nhất chẳng thể nghĩ bàn! Hết thảy chư Phật tán thán, hết thảy chư Phật tuyên dương, hết thảy chư Phật đều giới thiệu [pháp môn này] cho chúng sanh. Như Thích Ca Mâu Ni Phật vì hết thảy chúng sanh giảng bất luận kinh nào, chẳng cần biết là căn tánh của chúng sanh là giống nhau hay khác nhau, trong những thời điểm khác nhau, có rất nhiều kinh chẳng giảng, nhưng ba kinh Tịnh Độ nhất định phải giảng. Vì sao? Vì ba kinh ấy thích hợp mọi căn tánh, là những kinh điển chư Phật ắt phải giảng, cũng là pháp môn chư Phật nhất định phải giới thiệu với chúng sanh. Nếu căn lành của chúng sanh chín muồi, tin được, nguyện được, hành được, một đời này thành tựu, thỏa mãn đại nguyện độ chúng sanh của Phật.

Đó là Hộ! Quý vị xem điều thứ hai là "*nhất thiết chư Phật sở hộ*", đây là hóa tha, "*hoằng hộ Như Lai huệ mạng*" (hoằng dương, gìn giữ huệ mạng

của Như Lai).

"Sở niệm" là tự hành, "viên chứng Vô Thượng Bồ Đề". Văn Thù, Phổ Hiền không vị nào chẳng nêu gương cho chúng ta xem. Bốn vị đại Bồ Tát Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí, đều đã thành Phật từ bao kiếp lâu xa, nay ở trong pháp hội của Thích Ca Mâu Ni Phật thả chiếc bè Từ, họ là cổ Phật tái lai, xuất hiện dưới thân phận Bồ Tát để làm khuôn mẫu, nêu gương, các Ngài đều niệm Phật, đều niệm A Di Đà Phật, trong hội Hoa Nghiêm đều phát nguyện vãng sanh. Bởi thế, hết thầy chư Phật sở hộ, sở niệm chẳng hai: Hộ là niệm, niệm là hộ. Nếu hộ nhưng không niệm, hoặc niệm nhưng không hộ thì đều chẳng đúng. Đấy chẳng phải là hộ pháp, mà cũng chẳng phải là niệm Phật! Hộ pháp nhất định phải niệm Phật, niệm Phật nhất định phải hộ pháp. Đấy là tên gốc của kinh này.

Khi đại sư La Thập dịch kinh này, Ngài đã thay đổi tên kinh, đổi thành "**Phật Thuyết A Di Đà Kinh**". Dưới tựa đề này, tôi đã chú giải đơn giản là "*thâm kế bốn kinh tông chỉ*" (kế nhập sâu xa tông chỉ kinh này). Vì sao vậy? Kinh này khuyên chúng ta niệm A Di Đà Phật, đại sư La Thập thẳng gọn, dùng ngay A Di Đà Phật làm tên kinh, hay lắm, tên kinh tuyệt diệu! Từ việc ngài La Thập đặt tên kinh như vậy, ta biết tâm Ngài từ bi sâu nặng, tâm độ sanh tha thiết.

"Phật thuyết": Thuyết là "*sướng duyệt sở hoài*" (vui thỏa điều mình mong mỏi). Chữ Thuyết (說: nói) thời cổ còn đọc là Duyệt (悅). Quý vị đọc Luận Ngữ có câu: "*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ*" (學而時習之, 不亦說乎). Chữ Duyệt trong câu này là chữ Thuyết (說), sau này mới thêm bộ Tâm đứng bên cạnh thành chữ Duyệt (悅: vui sướng). Thời cổ chữ ít, Thuyết và Duyệt chỉ cùng một chữ, nhưng lúc đọc trở thành hai âm, hai ý nghĩa riêng biệt. Duyệt là hoan hỷ từ bên trong tâm, chẳng phải vui vẻ bề ngoài. Bề ngoài là như lúc gặp rất nhiều bè bạn rất vui sướng thì gọi là Lạc. Còn Duyệt có thể là không có một người nào khác, tự mình cảm thấy rất vui sướng, trong lòng cảm thấy rất sung sướng, vui vẻ thì gọi là Duyệt.

"Sướng duyệt sở hoài": Hoài (懷) là nguyện vọng. Nguyện vọng của Ngài là gì? Nguyện vọng độ cho hết thầy chúng sanh mau chóng thành Phật, đấy là điều chư Phật Như Lai ưa thích nhất. Nay cơ duyên chúng sanh thành Phật đã chín muồi. Đã chín muồi rồi thì Phật bèn nói cho chúng sanh pháp môn này, họ sẽ tin được, hiểu được, hành được. Đấy là chúng sanh thành thực, cơ duyên thành thực, thiện căn thành thực, "*vị thuyết thử pháp, linh nhất thiết chúng sanh nhất sanh cứu cánh thành Phật cố*" (bèn nói pháp

này, khiến cho hết thảy chúng sanh trong một đời rốt ráo thành Phật). Chẳng cần đợi đến đời sau, hễ đời này vãng sanh thì kể như thành Phật, thành Phật rất nhanh. Chúng ta chẳng vãng sanh thì thôi, hễ vãng sanh thì tuyệt đối chẳng thuộc ba phẩm dưới. Vì sao vậy? Ba phẩm dưới tội nghiệp rất nặng! Chúng ta chẳng tạo những tội nghiệp nặng dường ấy, lúc mọi người chúng ta vãng sanh đại khái thuộc ba phẩm Trung, chẳng thuộc ba phẩm Hạ. Ba phẩm Trung vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, "*hoa khai kiến Phật*", đại khái là ba bốn kiếp, chẳng cần đến mười hai kiếp, ắt hẳn ba bốn kiếp, năm kiếp là thành Phật, có phải là càng nhanh hơn nữa hay không?

Chư vị đồng học! Xin xem tiếp tựa đề kinh "**A Di Đà Phật**". Danh hiệu này toàn là dịch âm tiếng Phạn, dịch nghĩa sang tiếng Hán thì A là Vô, Di Đà là Lượng. Bởi thế, nếu hiểu nghĩa theo tiếng Hán là Vô Lượng. A Di Đà là đức hiệu của bậc đạo sư thế giới Cực Lạc, "*bỉ độ đạo sư đức hiệu, biểu thữ pháp bảo vô lượng giác dã*" (đức hiệu của đạo sư cõi ấy, biểu thị pháp bảo này là vô lượng giác). Phật dịch là Giác; bởi thế, A Di Đà Phật dịch nghĩa sang tiếng Hán là Vô Lượng Giác. Nghĩa lý và cảnh giới của danh hiệu này nói chẳng cùng, chẳng có ngăn mé. Vô Lượng là nói đến tự tánh: Tự tánh vốn sẵn đủ trí huệ vô lượng, vốn sẵn có đức năng vô lượng, vốn sẵn có tướng hảo vô lượng. Hết thảy những sự vô lượng của mọi thứ vô lượng trong vũ trụ chẳng ra ngoài ba loại lớn kể trên, ba loại trên đây bao gồm hết tất cả. Đây là tự tánh, [A Di Đà Phật là] đức hiệu của tự tánh. Bởi thế, trong phần khai thị, Trung Phong quốc sư nói: "*Ngã tâm tức thị A Di Đà Phật, A Di Đà Phật tức thị ngã tâm*" (Tâm ta là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật chính là tâm ta). Quý vị thấy lời nói đó có đúng hay không? Hoàn toàn chính xác!

Nói thật ra, người thế gian hằng ngày khởi vọng tưởng, mê mất tự tánh, đầu óc chật cứng mong cầu điều gì? Cầu tiền tài! Họ chẳng biết trong A Di Đà Phật có vô lượng của cải, của cải ấy được bao gồm trong tướng hảo, tướng hảo thuộc về phước báo. Trong thế gian có một hạng người, cả đời nỗ lực liêu mạng học nghề, học lấy một kỹ năng, học lấy một môn kỹ hơn nữa, bất cứ kỹ thuật, tài khéo nào cũng đều viên mãn cả, rốt ráo cả! Bữa nay chúng tôi chỉ nói đôi chút. Người thế gian chẳng thể sánh bằng, chín pháp giới cũng chẳng thể sánh bằng. Kẻ ấy chẳng cầu nơi tự tánh, lại cầu bên ngoài tâm! Cầu pháp ngoài tâm thì một đời học được bao nhiêu? Rất hữu hạn! Bởi thế, nếu quý vị hiểu được những ý nghĩa bao hàm trong danh hiệu A Di Đà Phật, quý vị sẽ bất tri bất giác bị nhiếp thọ, nói theo cách bây giờ là chúng ta bị Ngài hấp dẫn, nhà Phật gọi là "*nhiep thọ hết thảy chúng sanh*".

Chữ cuối cùng trong tựa đề là "**Kinh**". Kinh (經) là tiếng Hán, cổ Ấn Độ gọi là Tu Đa La, dịch nghĩa sang tiếng Hán là Khế Kinh. Khế (契) là trên phù hợp với lý chư Phật đã chứng, dưới phù hợp với căn cơ chúng sanh được độ. Đây là ý nghĩa được bao hàm trong kinh điển Phật giáo, vì thế gọi là Khế Kinh.

Điều thứ hai "*hựu cụ quán, nhiếp, thường, pháp*" (lại còn đủ các nghĩa: Quán, Nhiếp, Thường, Pháp). Đây là cách các pháp sư thường dùng nhất, dùng bốn chữ trên đây để giải thích chữ Kinh.

"Quán" (貫) là "*quán xuyên*" (貫穿: xuyên suốt). Một bản kinh văn bất luận dài ngắn, chương pháp, kết cấu, ý tưởng được hệ thống hết sức nghiêm chỉnh. Nhìn từ chỗ nào? Quý vị thấy trong Phật pháp có thể loại Khoa Phán (科判). Khoa Phán là nghiên cứu kết cấu chương pháp của kinh, kinh có thứ tự từng điều, chẳng lộn xộn. Văn chương đạt đến mức tuyệt diệu, chẳng thể thêm một chữ, thêm một chữ thì sao? Dư quá, không cần thiết. Chẳng thể bớt một chữ, bớt một chữ là đứt đoạn, chẳng liên tục. Văn chương đạt đến mức ấy, quả là văn chương bậc nhất, kinh Phật là như vậy đó.

Trong văn chương của cổ nhân Trung Quốc, [tác phẩm] văn chương nào hay thì cũng đúng là như thế. Phổ biến nhất, được mọi người thích đọc nhất là sách Cổ Văn Quán Chi, đây là bản hợp tuyển tinh tế của những bản văn chương hay trứ danh trong hơn hai ngàn năm của Trung Quốc, gồm hơn ba trăm thiên. Đây là những tác phẩm tiêu biểu của văn học Trung Quốc, thiên nào cũng đều là những áng văn chương hay, đều có thể dùng phương pháp Khoa Phán của kinh Phật để phân tích thật mạch lạc. [Những thiên văn chương ấy] thứ tự phân minh, dùng phương pháp Khoa Phán liền phán định được. Lại xem văn chương, sách vở của người hiện tại viết, văn chương trong tạp chí, báo chí, nếu dùng Khoa Phán, sẽ phán định chẳng ra. Từ đây quý vị mới hiểu rõ văn chương tốt cực là hay hoặc dở thì tiêu chuẩn là gì? Tiêu chuẩn nằm ở chữ Quán, có phải là từ đầu đến cuối hoàn toàn xuyên suốt hay không, khoa phán xuyên suốt hay không!

Quý vị xem kinh Hoa Nghiêm. Khoa phán và biểu giải của kinh Hoa Nghiêm là cả một cuốn sách to! Quý vị thấy kinh Hoa Nghiêm to lớn dường ấy, nhưng nó có mạch lạc, có thứ lớp, chẳng loạn một điểm nào. Kinh lớn nhất trong những bộ kinh Phật là kinh Đại Bát Nhã, gồm sáu trăm cuốn, có khoa phán hay chẳng? Có! Khoa phán gồm mấy chục cuốn, tôi đã từng thấy qua, cũng là dùng biểu đồ vẽ ra, công sức của cổ nhân thật phi thường. Bởi

thế, quý vị đồng học muốn học giảng kinh thì quan trọng nhất là phải biết lập khoa phán. Quý vị nắm chắc được một bộ kinh, có thể nắm từ đầu đến cuối là nhờ biểu giải⁴[4]; chương pháp, kết cấu, hệ thống của kinh đều bày ra được hết thì quý vị đã thông đạt bộ kinh ấy. Thông đạt kết cấu, chương pháp trên mặt văn tự, ắt hẳn cũng thông đạt nghĩa lý, chẳng bị giảng lầm.

Trước kia tôi học kinh giáo ở Đài Trung, thầy Lý Bình Nam thường bảo chúng tôi: “*Khoa Phán là một môn học vấn chẳng thể không hiểu*”. Bắt đầu học bằng cách nào? Bắt đầu bằng việc học theo người khác. Tôi học Khoa Phán tại thảo am của pháp sư Sám Vân. Pháp sư Sám Vân (tôi ở thảo am của Ngài năm tháng rưỡi) giao cho tôi ba cuốn sách, A Di Đà Kinh Sớ Sao của Liên Trì đại sư, A Di Đà Kinh Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư, và A Di Đà Kinh Viên Trung Sao của U Khê đại sư, đều là ba tác phẩm chú giải kinh A Di Đà đầy thẩm quyền trong lịch sử.

Trong bản chú giải Sớ Sao có khoa phán, đại sư phân chia rất kỹ, nhưng dùng Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân⁵[5] để phân chia. Đương nhiên, nếu đọc cổ thư đã quen thì chẳng có vấn đề gì, đã hiểu rõ rồi, nhưng đối với người hiện thời thì rất khó khăn! Bởi thế, pháp sư Sám Vân dạy tôi vẽ thành biểu giải (biểu đồ). Cách vẽ biểu giải là như thế nào? Theo cách của Hoảng Nhất đại sư. Hoảng Nhất đại sư soạn rất nhiều chú sớ, đều có vẽ biểu đồ. Pháp sư Sám Vân dạy tôi dùng phương thức đó, dựa theo phương thức đó để vẽ biểu giải của ba bản chú giải. Vẽ xong biểu giải rồi, tôi vui sướng khôn cùng, vì sao? Ý nghĩa của kinh vừa nhìn liền thấy rõ rệt ngay, hết thảy đều rõ ràng. Sau này, đến Đài Trung học với thầy Lý, cách này rất hữu ích. Học kinh giáo với thầy Lý mấy năm, chính tôi soạn được mấy bộ khoa phán, rất đáng tiếc là dọn nhà trong nhiều năm như thế, lúc dọn nhà đi các nơi, những bản ấy bị mất hết.

Bản khoa phán của bộ kinh dài nhất tôi viết bằng bút lông, hình như viết hơn bốn mươi trang giấy, mỗi trang mười hàng, đó là khoa phán của kinh

4[4] Biểu giải là chia nội dung của một văn bản thành những đoạn (gọi là khoa mục), lập tựa đề cho từng đoạn (khoa đề) nhằm nói lên những ý nghĩa chính của đoạn đó, rồi vẽ thành biểu đồ. Nói cách khác, lập “biểu giải” trong khoa phán giống như lập một sườn bài ghi những chủ đề chính yếu cho một văn bản, nhằm thể hiện kết cấu của văn bản ấy. Nhìn vào biểu giải, người giảng kinh sẽ dễ dàng nắm được ý nghĩa của toàn bộ bản kinh cũng như tùy ý nói rộng hay hẹp mà không sợ lạc đề, quên mất ý chính. Để lập biểu giải, phải nghiền ngẫm ý kinh, tìm ra được những ý tưởng chính yếu trong từng đoạn cũng như ý chính tổng quát của bản kinh, nên lão pháp sư mới nói: “*Chương pháp, kết cấu, hệ thống của kinh đều bày ra được hết thì quý vị đã thông đạt bộ kinh ấy*”.

5[5] Đây là cách phân đoạn bản chú giải thuở xưa. Chẳng hạn phân đoạn thứ nhất là Giáp, trong phân đoạn đó có ba đoạn nhỏ, thì mỗi đoạn nhỏ được đánh số là Ất. Trong mỗi đoạn Ất, lại chia thành nhiều ý nhỏ thì mỗi ý nhỏ được đánh số là Bính v.v...

Phật Thuyết Vị Tăng Hữu Nhân Duyên, kinh này gồm hai quyển. Bản khoa phán ấy soạn rất tỉ mỉ, gần như câu nào cũng chia nhỏ ra, chia thành từng tầng lớp gần như hơn hai mươi tầng. Phối hợp cả Thiên Can lẫn Địa Chi⁶[6] thành hai mươi hai chữ vẫn không đủ; tôi phải dùng số Ả Rập⁷[7], dùng mẫu tự Anh văn. Tôi nhớ hình như đến hơn hai mươi tầng. Khoa Phán là giải thích kinh; vì thế, nếu quý vị biết sử dụng Khoa Phán, biết viết Khoa Phán, tự mình soạn được Khoa Phán thì quý vị thông đạt được kinh ấy, hiểu rõ ý nghĩa chính. Số và Số Sao nhằm giải thích ý nghĩa một đoạn, một câu kinh nào đó, còn giải thích toàn bộ bản kinh là khoa phán.

Sau khi nền học vấn Phật pháp được truyền đến Trung Quốc, Nho Gia có lối học chương cú; thật ra, có người nói cách học chương cú là học theo cách lập Khoa Phán của Phật pháp. Chúng tôi biết rõ cách phan âm (pinyin) của Trung Quốc đúng là học từ Hoa Nghiêm tự mẫu⁸[8] mà ra, bởi lẽ Phạm văn là phan âm (có nghĩa là mỗi chữ Phạm được ghép bằng các mẫu tự). Đây là nói về sự ảnh hưởng của kinh Phật đối với văn học Trung Quốc, [Phật pháp đã] trao truyền rất nhiều chỉ dạy hữu ích cho các văn học gia Trung Quốc khiến cho họ có những phát minh. Chữ Quán là xuyên suốt, tức là văn chương đến mức hay khéo, ba chữ sau không có nghĩa như vậy.

"*Nhiếp*" (攝) là gì? Là nhiếp thọ, chữ này không dễ hiểu cho lắm. Chúng tôi nói theo cách thông tục là "có sức hấp dẫn". Kinh có sức hấp dẫn hết sức mạnh mẽ, thu hút quý vị khiến quý vị chẳng bỏ được. Tôi cũng hiểu điều đó. Khi tôi học tiểu học, tôi nhớ lúc học lớp Bốn tiểu học, bắt đầu đọc tiểu thuyết chương hồi của Trung Quốc. Những tác phẩm trứ danh trong loại tiểu

⁶[6] Thiên Can là Giáp, Ất, Bính, Đinh v.v... Địa Chi là Tý, Sửu, Dần, Mão v.v... Can có nghĩa là thân chính, Chi là cành nhánh. Cách đánh số thứ tự này được đặt ra từ nhà Hạ. Có nhiều cách giải thích tên gọi của Thiên Can, phổ biến nhất là dựa theo ý nghĩa chu kỳ sinh trưởng của thực vật, chẳng hạn Can là vừa nứt mầm, Ất là mầm cây trời lên khỏi mặt đất, Bính là tăng trưởng là mạnh mẽ, cho đến Tân là hạt đã chín rơi xuống, chuẩn bị cho chu kỳ sinh trưởng kế tiếp, Nhâm là cây bắt đầu suy kiệt, Quý là cây tàn lụi, vùi trở lại trong lòng đất. Địa Chi là cách chia quỹ đạo vận hành của Mộc Tinh (sao Jupiter) thành 12 cung, họ gọi Mộc Tinh là Tuế Tinh (ngôi sao chỉ sự vận hành của một năm), tương ứng với chu kỳ vận hành của Mộc Tinh trong 12 năm. Để dễ nhớ, họ gán mỗi cung cho một con vật. Dần dà Thiên Can, Địa Chi được phối hợp với Âm Dương Ngũ Hành, vận dụng trong bói toán, mang nhiều ý nghĩa rắc rối phức tạp hơn là những ký hiệu để ghi nhớ năm tháng như thuở đầu.

⁷[7] Số Ả Rập (Arabic numeric system): tức những số 1, 2, 3, 4... ta thường dùng hiện tại. Gọi là số Ả Rập vì hệ thống này do người Ả Rập truyền vào châu Âu. Trước kia, châu Âu chỉ biết dùng số La Mã.

⁸[8] Phan âm (hay còn đọc là bính âm) là một cách phiên âm tiếng Quan Thoại bằng hệ thống ký hiệu (người Hoa còn gọi nó là "chú âm phù hiệu") cũng như dùng mẫu tự Latin để ghi âm, chẳng hạn như chữ "phóng hạ" (buông xuống) trong tiếng Hán Việt, âm Quan Thoại được ghi là fàng xià. Hoa Nghiêm tự mẫu tức là 42 chữ cái của Phạm văn (Tất Đàm văn tự - Siddham Sankrit), mỗi một chữ được kinh Hoa Nghiêm giảng tương ứng với một pháp môn giải thoát.

thuyết chương hồi như Tam Quốc Diễn Nghĩa, Tây Du Ký, Thủy Hử Truyện, tôi bắt đầu đọc năm lớp Bốn. Chúng rất hấp dẫn! Xem tới đêm chẳng muốn ngủ; coi hồi thứ nhất lại muốn xem tiếp hồi thứ hai. Đến năm đầu cấp Sơ Trung (Trung Học đệ nhất cấp), trong bốn năm ấy, những truyện tiểu thuyết chương hồi cổ của Trung Quốc tôi đã đọc hết, tôi có căn bản về quốc văn là nhờ các tiểu thuyết đó.

Trong đó, những tác phẩm hay, thực sự hay, đúng là cổ nhân đánh giá không sai, có bốn bộ lớn là Tam Quốc Diễn Nghĩa, Hồng Lâu Mộng, Tây Du Ký và Thủy Hử Truyện. Bốn bộ tiểu thuyết lớn này, tối thiểu đọc bốn lần, đọc từ đầu đến cuối bốn lần, tối đa là xem mười mấy lần, đọc từ đầu đến cuối mười mấy lần. Đọc như cháo rôi, từ đây về sau tốc độ đọc rất nhanh, chúng có sức hấp dẫn rất mãnh liệt như thế đó, nhưng chỉ như thế nào? Nhiều nhất là đọc chừng mười lăm lần, đọc hết mười lăm lần, sau đó không muốn đọc lại nữa! Sức hấp dẫn của chúng đến đó thôi, không còn muốn xem lại nữa!

Kinh điển của cổ nhân có sức nhiếp thọ. Như Tứ Thư đó, quý vị thấy mình từ nhỏ đã đọc Tứ Thư, đại khái là ở trường tư, trẻ nhỏ độ chừng mười tuổi phải học Tứ Thư, đọc đến già vẫn càng đọc thấy thú vị tràn trề. Sức nhiếp thọ của bốn tác phẩm văn học chẳng thể sánh bằng Tứ Thư. Sức nhiếp thọ của bốn tác phẩm [tiểu thuyết chương hồi] lớn tính hết mức không quá hai mươi lần. Nếu quý vị đọc một bộ sách từ đầu đến cuối hai mươi lần, đọc hai mươi lần xong, tôi tin rằng quý vị chẳng thể xem lại nữa, quá đủ rồi! Nhưng một bộ Tứ Thư này đọc cả trăm lần chẳng chán! Sức nhiếp thọ của Phật pháp thực sự lớn lao, trong kinh từng nói từ Sơ Phát Tâm cho đến địa vị Như Lai, đời đời kiếp kiếp, thời gian ấy phải tính bằng A-tăng-kỳ kiếp, vĩnh viễn chẳng chán. Nhiếp là có sức thu hút như thế đó.

"*Thường*" (常) nghĩa là những đạo lý được nói trong kinh đều là chân lý vĩnh hằng, quyết định chẳng bị hạn chế bởi thời gian hay không gian. Sách vở thế gian chẳng thể đạt được như vậy. Sách vở thế gian, dầu là trước tác của thánh nhân, vẫn bị hạn cuộc trong một khu vực, trong một giai đoạn, chỉ hữu hiệu trong lúc đó thôi. Có rất nhiều tác phẩm cổ xưa của Trung Quốc thực sự chẳng còn hiệu quả trong thời hiện đại nữa, hiệu quả thời gian đã mất rồi! Những trước tác thực sự của thánh nhân, cổ thánh tiên hiền Trung Quốc, về mặt tinh thần đúng là siêu thời gian, siêu việt không gian, nhưng những nguyên tắc được nhắc đến trong những tác phẩm đó có những điều cần phải tu chỉnh trong thời đại hiện tại vì chẳng còn thích hợp với thời hiện tại nữa!

Phật pháp không như vậy, Phật pháp vĩnh hằng bất biến, thật chẳng thể nghĩ bàn, siêu việt thời gian, siêu việt không gian. Khi xưa, lúc tôi mới học Phật, đối với Phật pháp hết sức ngưỡng mộ, yêu thích, nhưng vẫn còn nghi hoặc. Vấn đề nghi hoặc lớn nhất là Giới Luật. Chương Gia đại sư thấy rõ điều này. Vì sao tôi nghi hoặc? Tôi nói những đạo lý được giảng trong kinh Phật hay lắm, thực sự đáng nên tán thán, yêu thích vô cùng; nhưng Giới Luật là khuôn mẫu để sống. Chúng ta biết nếp sống Trung Quốc khác với ngoại quốc; người đời nay chẳng giống người thời xưa. Tôi thấy, tôi hiểu có nhiều phương thức sanh hoạt, điển chương^{9[9]}, chế độ thời cổ đối với thời đó thì được, nhưng chẳng thể áp dụng cho hiện thời. Quan niệm như vậy biến thành thứ gì? Biến thành chấp trước rất cứng chắc.

Tôi học Phật, chẳng thể học làm cổ nhân! Lẽ nào người đời nay học làm người thời cổ, mà lại người ngoại quốc thời cổ? Phật là người Ấn Độ, nay chúng ta làm người Ấn Độ thời cổ còn ra thể thống gì? Nói cách nào cũng chẳng thông! Bởi thế, đối với Giới Luật tôi rất lãnh đạm, đối với kinh luận thì tỏ ra hứng thú rất nồng hậu. Khi đó, mỗi Chủ Nhật tôi được gặp Chương Gia đại sư một lần, gần như luôn nghe Ngài hữu ý hoặc vô ý dùng một câu cảnh tỉnh tôi: "*Giới Luật rất trọng yếu*". Bởi thế, sau khi lão nhân gia vãng sanh, tôi ở bên lò thiêu Ngài; lò thiêu ấy chỉ dành riêng cho mình Ngài sử dụng, tôi dựng lều tranh ở đó suốt ba ngày. Trong ba ngày, ba đêm tôi suy nghĩ, tôi theo thầy học ba năm, Ngài dạy tôi những gì? Không nghĩ đến thì thôi, chứ nghĩ đến thì ấn tượng sâu đậm nhất là câu "*Giới Luật rất trọng yếu*".

Tôi nghĩ không ra; thật ra, tôi rất coi nhẹ chuyện đó, rất xem thường, bị Ngài nhìn thấy được, Ngài dùng câu đó đánh thức tôi. Nếu Ngài không viên tịch, tôi chẳng phản tỉnh, chẳng nhận biết được điều ấy. Ngài khuất núi rồi, tôi mới phản tỉnh, nhận biết điều ấy, tôi cho rằng nhất định phải có đạo lý. Bởi thế mới gỡ xem giới luật, nhờ đó, đột nhiên hiểu ra. Trung Quốc nói đến Lễ, Nho Gia nói đến Lễ, chính là pháp thế gian. Pháp thế gian lễ nhạc của Tam Đại (ba vương triều) khác nhau; Hạ, Thương, Châu không giống nhau. Qua khắp các đời sau đó, lễ nhạc đều phải đặt mới, phải cải cách, phải tu chỉnh, đều đổi mới quy chế; giống như luật pháp cận đại, ngay cả hiến pháp của quốc gia, cứ bao nhiêu năm đó lại phải tu chỉnh một lần; nếu không tu chỉnh thì sao? Không tu chỉnh sẽ không thích hợp với nhu cầu của mọi người trong hiện thời; bởi thế, pháp luật phải luôn tu chỉnh.

Chúng ta thành lập một tổ chức nhỏ, tôi lập Phật Đà Giáo Dục Cơ Kim Hội ở Đài Bắc, chúng tôi có chương trình và nguyên tắc làm việc chi tiết. Đối với chương trình và nguyên tắc làm việc chi tiết, nhất là nguyên tắc làm

9[9] Điển chương là danh xưng để gọi chung tất cả những quy định, pháp lệnh, sắc lệnh trong một triều đại.

việc chi tiết, cứ mỗi nửa năm chúng tôi lại phải kiểm thảo, tu chỉnh một lần; còn chương trình thì mỗi năm phải kiểm thảo một lần, tu chỉnh thường xuyên. Bởi thế, chương trình, nguyên tắc làm việc chi tiết của Phật Đà Giáo Dục Cơ Kim Hội rất kiện toàn, vì sao? Tu chỉnh hơn mười mấy lần, rút kinh nghiệm khiến cho chúng rất hoàn chỉnh. Những thứ này là pháp thế gian, vì thế phải tu chỉnh theo thời gian, theo địa phương. Do nghĩ Phật pháp là pháp xuất thế gian, chẳng phải pháp thế gian, từ đây tôi bèn nghĩ thông suốt. Giới Luật là ranh giới phân chia giữa pháp thế gian và xuất thế gian, nó chẳng phải là pháp thế gian. Nếu quý vị muốn siêu việt thế gian, muốn siêu việt luân hồi lục đạo, siêu việt mười pháp giới thì Giới Luật rất hữu dụng.

Giới Luật là khuôn phép tu hành bao nhiêu kiếp của chư Phật, Bồ Tát, là khuôn phép để thoát khỏi luân hồi lục đạo, là khuôn phép vượt khỏi mười pháp giới, chẳng phải là khuôn phép để sống bình thường; bởi thế, chẳng thể sửa đổi Giới Luật được! Đặc biệt là Ngũ Giới, quý vị nói Ngũ Giới có đổi được hay không? Chẳng sát sanh, quý vị có thể nói là sai hay không? Chẳng trộm cắp, tại gia chẳng tà dâm, chẳng nói dối, chẳng uống rượu, không thay đổi được! Có đổi cũng không được. Mấy đại giới mang tánh nguyên tắc ấy đúng thật là siêu việt không gian, siêu việt thời gian, làm sao thay đổi được? Pháp ấy là Thường, đó là Thường.

"Pháp" (法) là pháp tắc, nay ta gọi là nguyên lý, nguyên tắc. Bởi thế, trong pháp thế gian tìm chẳng ra Thường và Pháp, chỉ riêng Phật pháp mới có. Phật pháp vĩnh hằng, dù pháp thế gian biến đổi thế nào, Phật pháp vẫn bất biến. Đó là bốn chữ mọi vị giảng kinh thường dùng để giảng ý nghĩa chữ Kinh.

Tiếp đó là câu: "*Chư đa diệu nghĩa như Hoa Nghiêm Sở thuyết*" (Các diệu nghĩa khác như Hoa Nghiêm Sở nói). Trong Hoa Nghiêm Sở Sao, Thanh Lương đại sư dùng mười phương thức để giải thích chữ Kinh này. Quán - Nhiếp - Thường - Pháp là bốn cách; Ngài dùng mười cách giải thích, giải thích chữ Kinh rất tỉ mỉ, thấu triệt nhất, không chi hơn được Hoa Nghiêm Sở Sao. Khi trước, tôi giảng kinh Hoa Nghiêm đã từng nói qua, đó là việc đã lâu lắm rồi. Trong tương lai có thể tôi muốn giảng một lần nữa, giảng gì? Giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm. Khi tôi khai giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm vẫn phải giảng đề mục kinh và huyền nghĩa; bởi thế, sẽ còn có cơ hội giới thiệu tường tận.

Đã giới thiệu tựa đề Phật Thuyết A Di Đà Kinh cùng quý vị xong; dưới đây là kinh văn, nay chúng ta xem kinh văn, đoạn thứ nhất của kinh văn là

từ đoạn:

6.2. Tự Phần

Như thị ngã văn:

Nhất thời Phật tại Xá Vệ Quốc, Kỳ Thọ Cấp Cô Độc viên, dữ đại tỳ-kheo tăng, thiên nhị bách ngũ thập nhân câu, giai thị đại A La Hán, chúng sở tri thức: Trưởng lão Xá Lợi Phất, Ma Ha Mục Kiên Liên, Ma Ha Ca Diếp, Ma Ha Ca Chiên Diên, Ma Ha Câu Hy La, Ly Bà Đa, Châu Ly Bàn Đà Già, Nan Đà, A Nan Đà, La Hầu La, Kiều Phạm Ba Đề, Tân Đầu Lô Phả La Đọa, Ca Lưu Đà Di, Ma Ha Kiếp Tân Na, Bạc Câu La, A Nậu Lô Đà.

Như thị đẳng chư đại đệ tử, tinh chư Bồ Tát Ma Ha Tát: Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, A Dật Đa Bồ Tát, Càn Đà Ha Đề Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát, dữ như thị đẳng chư đại Bồ Tát, cập Thích Đề Hoàn Nhân đẳng, vô lượng chư thiên đại chúng câu.

如是我聞。一時佛在舍衛國。祇樹給孤獨園。與大比丘僧。千二百五十人俱。皆是大阿羅漢。眾所知識。長老舍利弗。摩訶目犍連。摩訶迦葉。摩訶迦旃延。摩訶俱絺羅。離婆多。周利槃陀伽。難陀。阿難陀。羅睺羅。憍梵波提。寶頭盧頗羅墮。迦留陀夷。摩訶劫賣那。薄拘羅。阿[少/兔]樓駄。如是等諸大弟子。並諸菩薩摩訶薩。文殊師利法王子。阿逸多菩薩。乾陀訶提菩薩。常精進菩薩。與如是等諸大菩薩。及釋提桓因等。無量諸天大眾俱。

Cho đến đoạn sau đây:

Nhĩ thời, Phật cáo Trưởng Lão Xá Lợi Phất:

- Tùng thị Tây phương quá thập vạn ức Phật độ, hữu thế giới danh viêt Cực Lạc. Kỳ độ hữu Phật, hiệu A Di Đà, kim hiện tại thuyết pháp.

爾時佛告長老舍利弗。從是西方。過十萬億佛土。有世界名曰極樂。其土有佛。號阿彌陀。今現在說法。

Đối với đoạn kinh này, Ngẫu Ích đại sư phán định từ đầu cho đến đây là Tự Phần. Liên Trì, Ngẫu Ích, U Khê mỗi vị phân đoạn khác nhau, mỗi vị có cách hiểu riêng. Hôm nay tôi giới thiệu [kinh A Di Đà] cùng quý vị bèn

dùng những điều tôi đã giảng trong Di Đà Yếu Giải Nghiên Tập Báo Cáo (Báo cáo những điều nghiên cứu, học tập từ tác phẩm Di Đà Yếu Giải) là tác phẩm giảng nghĩa tôi đã soạn, thừa dịp này ôn tập cùng các đồng học một lượt.

Trong đoạn này, tôi đặt một tiêu đề nhỏ "*kinh tự đích khái thị*" (khái thị về tựa đề kinh). Trong phần này, trước hết là giải thích danh nghĩa, tức là giải thích ý nghĩa của danh từ, thuật ngữ. Chữ "*như thị*" biểu thị ý nghĩa tín thuận, "*ngã văn*" biểu thị sự thừa (sự truyền thừa từ thầy sang trò); "*nhất thời*" biểu thị cơ cảm (căn cơ cảm ứng), "*Phật*" là giáo chủ, "*Xá Vệ quốc, Kỳ Thọ Cấp Cô Độc viên*" là xứ sở. Cả một đoạn từ "*Xá Lợi Phật*" cho đến "*chư thiên đại chúng câu*" nói đến thánh chúng (những người đến nghe pháp). Đó là "*lục chủng thành tựu*" (sáu món thành tựu) mở đầu kinh Phật, giống như biên bản buổi họp trong hiện tại, ghi lại thời gian, địa điểm, những người tham dự, ai là chủ tịch, phần đầu biên bản hội nghị luôn có những khoản đó. Kinh Phật cũng vậy, để thủ tín cùng đời sau kinh này chẳng phải là ngụy tạo, mà thực sự là do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói.

6.2.1. Thông Tự

6.2.1.1. Giới thiệu khái lược lục chủng thành tựu

Câu đầu tiên của kinh là "*như thị ngã văn*"; do khi Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, lão nhân gia dạy dỗ toàn là ngôn thuyết, chẳng dùng văn tự, giống Khổng Tử của Trung Quốc. Sách của Khổng Tử đúng là sau khi Khổng lão phu tử đã qua đời, học trò đem những lời thầy thường răn dạy ghi lại, mọi người cùng nhau biên tập thành. Một đời Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh thuyết pháp, giảng rất nhiều; sau khi Phật diệt độ, đồ đệ đa văn bậc nhất, người học trò có ký ức tốt nhất là tôn giả A Nan. Trong tất cả đồng học, A Nan có trí nhớ tuyệt hảo, nghe một lần ghi nhớ vĩnh viễn, cũng là một thiên tài, không phải ai cũng có khả năng như thế.

Lúc tôi còn đi học, năng lực ra sao? Tôi cũng là một kẻ nghe nhiều nhớ dai. Tôi nghe một lần có thể nhớ được chín mươi lăm phần trăm, tôi có năng lực đó; bởi thế, kêu tôi nhắc lại là chuyện dễ dàng, chẳng khó khăn gì; nhưng tôi thua ngài A Nan rất xa! Ngài A Nan một đời chẳng quên, tôi nhớ nhiều lắm là được một tuần, chừng một tuần sau quên mất quá nửa, một tháng sau khỏi tính nữa. Hiệu quả nhất là trong vòng một tuần, đã gọi là "nhớ dai". Là học trò cũng có điều hay, hay ở chỗ nào? Đối phó với chuyện thi cử khá dễ dàng; nhưng cũng có chỗ tệ, tệ là chẳng đọc sách. Đối phó với thi cử quá đơn giản, trước giờ thi cho tôi mười phút, tôi ôn lại bài vở một

lượt, chắc chắn sẽ đạt, chắc chắn như thế. Vì thế, tôi dùng tất cả thời gian làm gì? Xem tiểu thuyết. Bởi thế, trong bốn năm, tiểu thuyết Trung Quốc khoảng chừng đâu một hai trăm bộ tôi đọc sạch, tốc độ xem cũng nhanh, thực sự cũng có thể nhớ lâu.

Tôn giả A Nan đảm trách nhiệm vụ trùng tuyên. Tôi đã thưa cùng quý vị rồi đó, nếu không lâu hơn một tuần, tôi có thể nhắc lại những gì thầy đã giảng không sai mấy. Tôi chẳng thêm thắt ý mình, thầy giảng thế nào, tôi nói như thế đó, trong vòng một tuần chẳng có vấn đề gì, tối thiểu nhắc lại được chín mười lăm phần trăm, tôi có năng lực ấy. Ngoài ra, tôi cũng có khả năng hiểu rất tốt, có ngộ tánh, đó là điều kiện chẳng thể thiếu để học kinh giáo. A Nan rất lợi hại, quý vị thấy đức Phật thuyết pháp bốn mươi chín năm, những gì giảng trong bốn mươi chín năm trước Ngài nhớ kỹ, thật phi thường, chẳng thể không khiến người ta [bội phục] năm vóc sát đất. Ngài lên đài nhắc lại, đem những lời Phật đã giảng khi trước như thế nào thành thực nói ra, chẳng thêm vào một câu. Tôi nghĩ rất có khả năng bị thiếu mấy câu, sức ký ức của Ngài rất mạnh!

[Những lời A Nan nói] được các đồng học thẩm tra, chấp nhận, thính chúng là ai? Năm trăm vị đại A La Hán, đều là đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật. Họ đến nghe, nghe xem A Nan có nói sai hay không. Nói không sai! Chỉ cần một cá nhân nêu nghi vấn là đoạn đó bèn bị gạt bỏ. Năm trăm vị, vị nào cũng đồng ý, chép xuống, tạo thành kinh điển. Bởi thế, đầu kinh ghi "*như thị ngã văn*".

"*Như thị*" là lúc Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế đã nói như thế. "*Ngã*" (我) là tôn giả A Nan tự xưng, đích thân tôi nghe đức Phật nói, chẳng phải nghe qua người khác. Ở đây, chúng ta phải hiểu, Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật hai mươi năm rồi A Nan mới xuất gia, A Nan sanh đúng ngày Thích Ca Mâu Ni Phật thành đạo. A Nan xuất gia năm hai mươi tuổi. Trong hai mươi năm ấy, Phật giảng không ít kinh. Quý vị coi những điều ghi chép về sự giảng kinh của Thích Ca Mâu Ni Phật thì sau khi thị hiện thành đạo, tại vườn Lộc Dã độ năm tỳ-kheo, bắt đầu giảng kinh. Giảng Tiểu Thừa, giảng A Hàm mười hai năm. Giảng A Hàm mười hai năm xong bèn giảng Phương Đẳng tám năm, cộng thành hai mươi năm. Nói cách khác, A Nan chưa từng nghe A Hàm, Phương Đẳng. A Nan đích thân bắt đầu nghe Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh là nghe những gì? Nghe Bát Nhã. Bát Nhã giảng hai mươi hai năm, Pháp Hoa - Niết Bàn tám năm, cộng thành ba mươi năm. A Nan nghe được [những kinh Phật giảng trong] ba mươi năm sau, hai mươi năm trước không được nghe, làm sao kết tập?

Trong kinh điển có một câu chuyện, quý vị phải hiểu rõ. Thích Ca Mâu Ni Phật độ A Nan xuất gia, A Nan nêu điều kiện: Tôi thích kinh giáo, những kinh nào Phật đã thuyết trước kia, xin Ngài vì tôi nhắc lại một lượt. Thích Ca Mâu Ni Phật chấp thuận. Bởi thế, kinh A Hàm, Phương Đăng trong hai mươi năm A Nan chưa từng nghe qua, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng lại một lượt. Nói cách khác, bốn mươi chín năm dạy dỗ của đức Thế Tôn, A Nan được nghe rất hoàn chỉnh, khác nào chẳng thiếu một buổi học nào. Bởi thế, tôn giả A Nan là người truyền Phật pháp, chúng ta phải tin tưởng.

Ngoài ra, còn có thuyết nói A Nan là bậc đại quyền thị hiện đến giúp Thích Ca Mâu Ni Phật giáo hóa chúng sanh, lẽ nào chẳng thông đạt đạo lý! Điều này cũng hợp lý, đây là nói theo mặt Lý, nói như trên là nói theo mặt Sự, Lý - Sự đều thông suốt. Bởi thế, đức Phật dạy A Nan mai sau kết tập kinh điển, câu đầu tiên là "*như thị ngã văn, nhất thời Phật tại thậm ma địa phương*" (Chính tôi nghe như thế này: Một thời đức Phật tại chỗ nào đó), đoạn kinh này là do đức Phật dạy A Nan nói như vậy.

Thăng tòa giảng kinh được Phật lực gia trì, A Nan lên tòa trùng tuyên, người nghe ở dưới thấy A Nan được Phật gia trì, giống như đức Phật, bởi vậy có kẻ hoài nghi: "Chẳng phải là Thích Ca Mâu Ni trở lại hay sao?" Có người nói: "Không phải đâu, A Nan thành Phật rồi!" A Nan vừa nói "*như thị ngã văn*", mỗi nghi hoặc ấy của đại chúng không còn nữa, tôn giả A Nan chỉ nhắc lại mà thôi!

"*Nhất thời*": Vì sao chẳng chép là năm, tháng, ngày, lại nói "*nhất thời*" (một thời). "*Nhất thời*" là nói thật, nếu ghi năm, tháng, ngày thì năm, tháng, ngày là giả, vì sao? Ấn Độ thời ấy chưa thống nhất, năm tháng mỗi quốc gia khác nhau. Việc ấy ở Trung Quốc cũng có. Đến hiện tại, mọi người trên thế giới đều dùng dương lịch, chúng ta gọi là Công Nguyên. Hiện thời chánh phủ Trung Quốc cũng dùng Công Nguyên, nhưng tại Đài Loan dùng Dân Quốc, năm nay là năm Dân Quốc 92, Công Nguyên là năm 2003, không giống nhau. Tại Nhật Bản dùng niên hiệu Bình Thành (Heisei)10[10], lại khác nữa! Lịch pháp Hồi giáo11[11] của thế gian cũng khác. Như vậy,

10[10] Bình Thành là niên hiệu của vua Nhật hiện tại (Minh Nhân thiên hoàng - Akihito), được sử dụng kể từ năm 1989 (Bình Thành nguyên niên). Theo hoàng gia Nhật, niên hiệu này xuất phát từ phần Ngũ Đế Bản Kỷ sách Sử Ký Tư Mã Thiên: "*Phụ nghĩa, mẫu từ, huynh hữu, đệ cung, tử hiếu, bình nội, ngoại thành*" (Cha có nghĩa, mẹ nhân từ, anh nhường nhịn, em cung kính, con hiếu thảo, trong bình yên, ngoài thành tựu).

11[11] Lịch Hồi Giáo (At-taqwīm al-hijrī) là âm lịch, cách tính toán rất phức tạp. Mỗi năm có 354 hoặc 355 ngày, chia thành 12 tháng. Năm thứ nhất trong lịch Hồi giáo là năm 622, tức năm giáo chủ sáng lập đạo là Muhammad (Mohamed) và bày tôi là Abu Bakr phải bỏ trốn từ Mecca sang Medina nhằm tránh né một cuộc mưu sát (cuộc lưu vong này thường được gọi là Hijra trong sử Hồi Giáo). Cách tính của lịch Hồi Giáo rất phức

trên địa cầu này cho đến hiện tại, lịch pháp vẫn chưa thống nhất, quý vị muốn ghi lại năm, tháng, ngày, giờ rất phiền phức, chẳng dễ tra cứu!

Huống chi thời gian là khái niệm trừu tượng, "*nhất thời*" là đúng, thầy trò đạo hợp, cơ duyên chín muồi thì gọi là "*nhất thời*". Ý nghĩa chữ "*nhất thời*" giống với ý nghĩa chữ Kinh trong Khế Kinh, cơ cảm tương ứng, thời tiết nhân duyên chín muồi, giảng đúng lúc đó mới phát sanh hiệu quả.

A! Bây giờ đã đến giờ rồi, chúng tôi giảng đến đây thôi!

Tập 05

Chư vị đồng học!

Chúng ta xem tiếp đoạn thứ nhất kinh A Di Đà, từ "*như thị ngã văn*" đến "*kim hiện tại thuyết pháp*". Trong phần tiểu chú, đoạn thứ nhất là giải thích danh nghĩa, tức là giải thích danh từ, thuật ngữ.

"*Như thị ngã văn*", "*như thị*" là Tín Thành Tựu. "*Ngã văn*" là Văn Thành Tựu, cũng là sư thừa. "*Nhất thời*" là Thời Thành Tựu. Phật là Chủ Thành Tựu, đây là người chủ giảng. "*Xá Vệ Quốc, Kỳ Thọ Cấp Cô Độc viên*" là Xứ Sở Thành Tựu, giảng tại địa phương nào. "*Xá Lợi Phất*", toàn bộ đại chúng là Thính Chúng Thành Tựu. Giống như cách thức ghi biên bản hội nghị, dưới đây tôi sẽ trình bày giản lược từng điều cùng quý vị.

6.2.1.2. Giảng về Tín Thành Tựu

Trước hết giải thích hai chữ Như Thị. "*Thật tướng diệu lý, cổ kim bất biến*" (Lý mầu Thật Tướng, xưa nay chẳng đổi) đó là Như. Trước hết, chúng tôi nói hai câu này. Chúng ta thường gọi Thật Tướng là Chân Tướng, Thật (實) là chân thật, Tướng (相) là hiện tượng; hình dáng chân thật của hiện tượng vũ trụ là gì? Phàm phu chúng ta không thấy được chân tướng vũ trụ, chúng ta chỉ thấy được huyền tướng, giả tướng, tướng thiên biến vạn hóa; chẳng thấy được chân tướng. Giống như chúng ta trông thấy biển cả ba đào trào dâng, bên bờ biển thấy sóng trào bọt trắng xóa, chúng ta trông thấy những tướng trạng đó, trông thấy con sóng, trông thấy bọt sóng, chân tướng của chúng là gì? Chân tướng là nước; chỉ biết thưởng thức sóng vỗ tung bọt, chỉ thấy được tướng ấy, quên mất nước đi, tướng thực sự là nước.

Chúng ta trông thấy vũ trụ thiên biến vạn hóa, không một giây, một

tạp, tháng quan trọng nhất là tháng Chín (Ramadan), tức mùa chay, tín đồ Hồi Giáo phải nhịn ăn từ lúc mặt trời mọc cho đến khi mặt trời lặn trong suốt tháng ấy.

phút nào ngừng nghỉ, kinh Phật gọi là "sinh diệt trong từng sát-na". Như sóng trào trong biển, sóng nhô lên là sanh, sóng chìm xuống là diệt. Sóng vỗ tung bọt là sanh, sau khi sóng tan, bọt sóng tiêu mất là diệt. Trong vũ trụ, sự sanh diệt biến hóa vĩnh hằng không ngừng, chúng ta bình thường chỉ biết được tướng biến hóa ấy, bản thể của sự biến hóa là gì? Sóng và bọt sóng do nước biển ra, bản thể của chúng là nước. Vũ trụ to lớn như thế, thiên biến vạn hóa trong đó, bản thể của nó là gì? Trong kinh Phật gọi bản thể ấy là Thật Tướng.

"*Thật Tướng diệu lý, cổ kim bất biến*": Tất cả hết thảy hiện tượng sanh diệt trong từng sát-na, thiên biến vạn hóa, nhưng bản thể của sự biến hiện ấy vĩnh viễn không biến đổi, bất sanh, bất diệt, chẳng đến, chẳng đi, chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng một, chẳng khác (bất sanh, bất diệt, bất khứ, bất lai, bất thường, bất đoạn, bất nhất, bất dị); Trung Quán Luận gọi là tám cái "*Bất*" (bát bất) để hình dung [đặc tánh của bản thể]. Đó là bản thể của vũ trụ, là "bản lai diện mục của chúng ta trước khi được cha mẹ sanh ra". Đức Phật cho nó một danh xưng là Như, Như Như, Chân Như, Tự Tánh, Chân Tâm, Lý Thể. Trong kinh điển, đức Phật nêu ra mấy chục danh từ, không quan trọng gì cả. Vì sao đức Phật nói nhiều danh từ như thế? Nhằm dụng ý dạy chúng ta đừng chấp trước danh từ, danh từ là pháp phương tiện, chẳng phải thật; nhưng trong giáo học, dùng những danh từ này khiến cho quý vị ngộ nhập chân thật. Chớ nên chấp trước danh từ; nếu chấp vào một danh từ, quý vị chẳng thể ngộ nhập chân thật. Vì vậy, chớ nên chấp trước tướng danh tự! Đức Phật nói nhiều danh từ như thế, với dụng ý làm cho quý vị biết "nói sao cũng đều đúng", chỉ cần chẳng nói về điều này thì không sai! Ngàn vạn phần chớ nên chấp trước danh từ.

Bộ kinh này là kinh A Di Đà. Mục đích tu học của kinh A Di Đà là cầu sanh Tịnh Độ, thân cận A Di Đà Phật, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới tu hành, chúng tôi phải nói theo cách thông thường là "đến học tập". Học tập trong thế gian này có chi không tốt? Hoàn cảnh học tập trong thế gian này không tốt, hoàn cảnh nhân sự (quan hệ giữa con người với nhau) càng chẳng tốt! Trong thế gian này không có thầy tốt, không có đồng học tốt, thọ mạng lại ngắn, thời gian quá ngắn, chẳng đủ dùng! A Di Đà Phật sáng tạo cho chúng ta một hoàn cảnh tu học hoàn bị nhất, chỉ cần chúng ta muốn sang đó, chúng ta thực sự có thể đến đó được.

Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu cho chúng ta đến học tập trong hoàn cảnh ấy, chư Phật Như Lai là thầy, các vị thượng thiện nhân là đồng học, đồng học đều là bậc thượng thiện. Chữ "*thượng thiện*" chỉ cho ai? Chỉ Đẳng Giác Bồ Tát. Như Quán Thế Âm, Đại Thế Chí trong Tây Phương Cực

Lạc thế giới là đồng học, là trưởng tràng, là lớp trưởng của chúng ta. Nơi đó là hoàn cảnh tu học hoàn bị nhất, trong hoàn cảnh ấy quý vị chẳng khởi tham - sân - si. Vì sao? Tất cả hết thảy, bất luận vật chất hay tinh thần lẫn thọ dụng đều được biến hóa ra. Nghĩ đến thứ gì, thứ ấy hiện ra, chẳng có tâm tham. Trong xã hội ấy đều là thiện nhân, chẳng có người ác, không ai có ác niệm, không ai có ác ý, không ai nói năng thô lỗ, dù có tâm sân khuể, quý vị cũng chẳng thể do đâu phát khởi được. Nói cách khác, quý vị chẳng có điều kiện nổi nóng, thật chẳng thể nghĩ bàn! Không dậy lên tâm sân khuể được, sáu căn tiếp xúc hoàn toàn là Phật pháp, toàn là giáo huấn của thánh hiền, nhất định quý vị chẳng ngu si. Nói cách khác, chẳng cần phải đoạn sân si, cũng chẳng cần phải quan tâm đến nó! Đến ở lâu trong thế giới ấy, sẽ tự nhiên đoạn được sân si sạch sành sanh, mục đích là ở chỗ này.

"*Y Thật Tướng lý, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, quyết định vô phi*" (Nương theo lý Thật Tướng, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ quyết định chẳng sai), "*vô phi*" là chẳng sai lầm, quyết định chẳng lầm, tức là Thị (đúng). Lời giải thích ấy căn cứ vào tông thú¹²[12] của kinh này, nêu thành điều thứ nhất. Thuyết pháp như vậy, bất luận trong thời điểm nào, bất luận chỗ nào, nơi này, phương khác, thảy đều chính xác, đều chẳng sai lầm; nói trong thế giới Hoa Tạng cũng vẫn chính xác. Vì sao? Chúng ta thấy Văn Thù, Phổ Hiền trong hội Hoa Nghiêm nơi thế giới Hoa Tạng, dùng mười Ba La Mật, mười đại nguyện vương khuyên lớn, hướng dẫn bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ cầu sanh Tịnh Độ, thân cận A Di Đà Phật. Quý vị hãy nghĩ xem: Đó cũng là lý do tại sao hội Hoa Nghiêm nơi thế giới Hoa Tạng cũng là "*quyết định chẳng sai*". Từ chỗ này quý vị tự nhiên nhận hiểu pháp môn này thù thắng chẳng thể nghĩ bàn!

Hiện tại chúng ta cùng học tập kinh Hoa Nghiêm, mục đích học tập kinh Hoa Nghiêm là gì? Nhằm triệt để hiểu rõ pháp môn Tịnh Độ. Kinh Hoa Nghiêm giảng thật tường tận, giảng cho thật nhiều, giảng thật rõ ràng, thì không có gì khác ngoài nhằm làm cho chúng ta tin sâu chẳng ngờ, hạ quyết tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Nếu quý vị học kinh A Di Đà, học kinh Vô Lượng Thọ mà bán tín bán nghi, chẳng thể giải quyết vấn đề, hãy học kinh Hoa Nghiêm. Huân tu kinh Hoa Nghiêm trong một thời gian dài, sẽ trừ được gốc nghi, đều thấy rõ, đều minh bạch hết. Kinh A Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ là cương yếu của Tịnh tông, nắm được cương lĩnh thì công phu tu học

12[12] Tông: Điều chánh yếu hay pháp môn chánh yếu được đề cao bởi một bộ kinh. Hay nói theo ngôn ngữ hiện thời là chủ đề chính của một bộ kinh.

Thú: Kết quả, mục tiêu sẽ đạt được do tu tập pháp môn ấy.

đắc lực, nguyện vọng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới có thể trở thành sự thật.

Tiếp đó, có một cách giải thích khác, xin mọi người hãy đọc: "*Hựu vạn pháp câu tịch, nhất tâm bất loạn vi Như, thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật, vi Thị*" (Lại nữa, muôn pháp đều tịch, nhất tâm bất loạn là Như; tâm này là Phật, tâm này làm Phật, đó là Thị). Đây cũng là căn cứ vào chỉ thú của Tịnh tông mà nói, nhưng trên phạm vi lớn hơn. Đạo lý "*vạn pháp câu tịch*" rất sâu. Chúng ta thấy vạn pháp đều động, sanh diệt trong từng sát-na, đều là động. Vạn pháp đều động, chẳng Như; Như là nói về Thể. Cái chúng ta thấy là tướng, vướng mắc vào tướng. Tướng là động, tác dụng là động, Thể bất động. Giống như trong biển cả, chúng ta thấy có sóng mòi, bọt sóng sanh ra, tan mất là động, tùy thuộc hướng gió, tùy thuộc phương hướng của dòng chảy¹³[13] mà di động không ngừng, đó là tác dụng của nó. Nổi lên, chìm xuống là tướng, lưu động là tác dụng của nó; nhưng quý vị phải hiểu Thể của nó không động, Thể là Như.

Nhất tâm bất loạn, nhất tâm, tâm bất động; nhị tâm, nhị tâm là động. Nhị tâm là trong tâm quý vị có vọng tưởng. Sở dĩ gọi "tưởng" là "vọng tưởng" là nhằm bảo cho quý vị biết nó chẳng thật. Chân tâm là gì? Trong chân tâm chẳng có ý niệm, chân tâm là niệm, chân tâm vô niệm, đây là điều kinh Đại Thừa thường giảng. Hữu niệm thì chẳng phải là chân tâm, vô niệm là chân tâm. Ở đây lại phải hiểu rõ, vô niệm không phải là không nghĩ gì, chẳng phải là cái gì ta cũng chẳng thêm nghĩ đến, nếu ngỡ như vậy là vô niệm thì đã sai mất rồi! Đây đúng là "*sai chỉ hào ly, lầm lạc ngàn dặm*". Vì sao? Quý vị tưởng "không nghĩ" gì là vô niệm thì quý vị thực sự tu thành công Vô Tướng Định, quả báo trong tương lai là [sanh lên] trời Vô Tướng thuộc Tứ Thiên Thiên, chẳng thể giải quyết vấn đề, lầm lạc rồi!

Không nghĩ gì cũng chẳng dễ, cũng phải có mức Thiên Định kha khá! Quý vị thấy đó, phải là Tứ Thiên! Vì sao sanh trong trời Vô Tướng của Tứ Thiên Thiên chẳng thể giải quyết vấn đề? Kẻ ấy đọa trong vô minh, vô minh vẫn là Tướng. Chẳng tướng động thì tướng tịnh, tướng cái bất động, kẻ ấy vẫn suy tưởng [ý niệm] "vô tướng". Chẳng nghĩ đến hữu tướng sẽ nghĩ đến vô tướng, biến thành Vô Tướng Định. Vô niệm khác hẳn, phải hiểu cho rõ! Vô niệm không phải là vô tướng (không nghĩ tướng gì), vô niệm là không có vọng niệm; trong pháp Đại Thừa gọi "không có vọng niệm" là "có chánh

13[13] Dòng chảy ở đây chính là "hải lưu" (ocean current). Những dòng hải lưu ấy thường chuyển động theo chiều kim đồng hồ ở Bắc Bán Cầu và ngược chiều kim đồng hồ ở Nam Bán Cầu. Chúng sanh ra do tỷ trọng và nhiệt độ của nước, hướng gió khác nhau trên từng vùng biển. Nổi tiếng nhất là hải lưu Gulf Stream chảy từ cực Nam bán đảo Florida, dọc theo bờ biển Đông Hoa Kỳ và vùng Newfoundland trước khi đổ ra Đại Tây Dương.

niệm". Nếu trong tâm vẫn phân biệt là "có chánh niệm" thì là vẫn chấp trước vào "có chánh niệm", chánh niệm ấy lại biến thành vọng niệm, điều này rất khó hiểu!

Rốt cuộc, thế nào mới là chánh niệm, thế nào mới là vô niệm? Trong kinh Phật có một nguyên tắc chung: "*Lìa hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì gọi là Vô Niệm*". Thấu hiểu rõ ràng, hiểu minh bạch hết thảy sự - lý, nhân - quả, tánh - tướng trong vũ trụ thì gọi là "chánh niệm". Bởi vậy, trong chánh niệm có trí huệ, có đức năng, có tướng hảo, sống động, hoạt bát! Trong ấy, nhất định chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, khác hẳn với Vô Tướng Định, chẳng giống với Thiên Chân Niết Bàn¹⁴[14] của Tiểu Thừa. Vô Tướng Định, Thiên Chân Niết Bàn vô ích, có Thể nhưng không có Dụng; nói thật ra, chính mình chẳng đạt được lợi ích viên mãn, mà cũng chẳng thể làm lợi cho chúng sanh được.

Trong hội Lăng Nghiêm, chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật quở trách người Tiểu Thừa, khen ngợi Bồ Tát. Bồ Tát có Thể và Dụng, Tiểu Thừa có Thể nhưng không khởi tác dụng. Vì thế phải hiểu "*vạn pháp đều tịch*", tướng của vạn pháp là ở đâu? Tướng ấy ở ngay trước mắt, nhưng nó chẳng sanh, chẳng diệt, trọn khắp hư không pháp giới, sao chúng ta không thấy? Trong hội Hoa Nghiêm, Thích Ca Mâu Ni Phật đã rất cảm thán nói: "*Nhất thiết chúng sanh giai hữu Như Lai trí huệ đức tướng*" (Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai), ngay cả hiện tại, chưa bao giờ mất; điều hết sức đáng tiếc là "*đản dĩ vọng tưởng, chấp trước, bất năng chứng đắc*" (chỉ vì vọng tưởng, chấp trước, chẳng thể chứng đắc). "*Như thị*" vốn có sẵn nơi thân chúng ta, mỗi ngày từ sáng đến tối chúng ta luôn dùng nó mà không biết. Là thứ gì trên thân ta vậy? Chính là căn tánh của sáu căn; phải thưa rõ cùng quý vị, căn tánh của sáu căn! Căn tánh nơi sáu căn là "*diệu lý Thật Tướng*", là tướng tịch diệt, tịch diệt thanh tịnh, là chân tâm, là bốn tánh không hai, không khác với chư Phật Như Lai.

Nếu lại cùng quý vị luận định sâu hơn thì ngay nơi nhục thể chúng ta, các khoa học gia hiện tại đã thấy và hiểu rất rõ: Thân thể chúng ta đây do gì tạo thành? Do tế bào tạo thành; tế bào do gì tạo thành? Do nguyên tử tạo thành; nguyên tử do gì tạo thành? Do lạp tử tạo thành. Kinh Hoa Nghiêm nói mỗi một lạp tử ấy đều đầy đủ rất trọn vẹn pháp tánh. Pháp tánh là Chân Như. Chân Như ở tại đâu? Chân Như không chỗ nào chẳng tồn tại. Trong mỗi một lạp tử đều có, mỗi một nguyên tử đều có, trong mỗi tế

14[14] Thiên chân Niết Bàn: Niết Bàn của Tiểu Thừa chưa viên mãn, thấy chân tướng sự thật còn thiên lệch, chưa viên mãn, chấp vào tịch diệt, nên còn gọi là "trầm không, trệ tịch".

bào trên thân thể chúng ta đều có, rất đáng tiếc là quý vị đang mê, chẳng giác ngộ.

Nếu quý vị thực sự giác ngộ thì mới hiểu "*vạn pháp đều tịch*"! Chúng ta chẳng thấy thanh tịnh tịch diệt, mà thấy những gì? Thấy vô lượng vô biên tướng sanh diệt, tướng biến hóa. Chuyện này là như thế nào? Chỉ thấy tướng, không thấy tánh! Các vị Phật, Bồ Tát, những người chân chánh tu hành giác ngộ thấy được tánh, thấu hiểu tướng, hiểu rất rõ hiện tượng, thấy được tánh, thấy trong tướng sanh diệt có tánh không sanh diệt. Đây mới là hiểu rõ ràng, minh bạch chân tướng sự thật. Như thị, nguyên lai như thị (như thế đó, vốn là như thế đó). Nhất tâm bất loạn cũng tức là nói "không có vọng tưởng". Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thảy đều đoạn hết thì gọi là Như.

Tịnh Tông chẳng phải là tu hành mê tín, chẳng khác gì lắm với Hoa Nghiêm, Thiên Thai, Pháp Tướng, Tam Luận, Tông Môn, Giáo Hạ. Trong kinh Kim Cang, đức Phật nói: "*Pháp môn bình đẳng, vô hữu cao hạ*" (Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp). Tịnh Tông chẳng nằm ngoài các pháp môn, so với hết thảy pháp môn khác, nó thực sự bình đẳng, chẳng có cao - thấp. Vì sao? Chỗ y cứ đều là Chân Như, đều là Thật Tướng. "*Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật*" (tâm này là Phật, tâm này làm Phật), ấy là Thị! Một mảy chẳng sai! Tâm này là đức Phật vốn sẵn có, vốn sẵn là như vậy, tâm chính là Phật, Phật chính là tâm; tâm là Chân Như, Chân Như là tâm. Nay quý vị lại phát tâm muốn làm Phật, quý vị nghĩ coi mình có thể làm Phật được hay chẳng? Trong kinh Đại Thừa, Thích Ca Mâu Ni Phật thường nói: "*Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*" (Hết thảy pháp đều từ tâm tướng sanh), hằng ngày nghĩ làm Phật, đương nhiên sẽ làm Phật. Hiện tại vì sao bệnh truyền nhiễm SARS dữ dội đến thế? Vì sao nó lây lan rộng dường ấy? Chẳng có gì khác ngoài chuyện quý vị hằng ngày nghĩ đến SARS, SARS bèn xảy đến, chuyện là như vậy đó! Quý vị không nghĩ đến nó, dần dần nó không còn nữa. Hết thảy pháp từ tâm tướng sanh, sao quý vị không nghĩ đến điều tốt, chẳng nghĩ đến điều lành?

Sáng sớm hôm nay, bên Mỹ gọi điện thoại cho tôi, không ít người thấy tôi trước đây trên TV có mấy lần giảng về bệnh SARS, nay họ biên tập lại, phát lên đài truyền hình vệ tinh. Tôi đặc biệt bảo mọi người: Chúng ta phải tin tưởng lời Phật, "*nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*" (hết thảy pháp từ tâm tướng mà sanh), chẳng cần phải quan tâm đến nó, chẳng cần phải nghĩ đến nó; mà nghĩ đến điều gì? Chân thành, thanh tịnh. Chân thành thanh tịnh nhất định sẽ chẳng bị nhiễm hết thảy virus, chẳng bị lây nhiễm. Trong tâm, trong tư tưởng quý vị chẳng có độc, làm sao bị nhiễm độc cho được?

Chẳng tương ứng mà! Bình đẳng từ bi hóa giải virus, hóa giải được chất độc của vi khuẩn SARS, có thể hóa giải hết. Hai câu này hết sức trọng yếu; chỉ cần chúng ta thực sự tu hành “chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi”, ôn dịch bị hóa giải rất nhanh, không còn nữa. Thiên tai nhân họa do đâu mà có? Từ vọng tưởng khởi, từ tham - sân - si khởi, đó mới là cội gốc. Bởi thế, chúng ta hằng ngày tưởng Phật, hằng ngày niệm Phật, hằng ngày thấy Phật, nhìn tượng Phật, hằng ngày đọc kinh Phật, lẽ đâu chẳng thành Phật? Đó gọi là Thị. Đến đây là giảng xong chữ Như Thị. Tiếp theo đây, chúng ta lại xem tiếp chữ Nhất Thời.

6.2.1.3. Giảng về Thời Thành Tựu:

“*Tế ngộ lương thời, sư tư đạo hợp*” (gặp đúng dịp tốt, thầy trò đạo hợp), đó là “*nhất thời*”. Bởi thế, chẳng ghi chép năm, tháng, ngày đức Phật giảng kinh, dụng ý rất hay! Chẳng ghi chép năm tháng ngày giờ lại có ý nghĩa rất sâu: Khiến cho chúng ta lìa khỏi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, bởi lẽ thời gian và không gian phát sanh từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chẳng phải là sự thật. Trong Pháp Tướng Duy Thức Học, không gian và thời gian bị xếp vào “*bất tương ưng hành pháp*”. Vì sao gọi là bất tương ưng hành pháp? Nói theo cách bây giờ, chúng thuộc về khái niệm trừu tượng, chẳng phải là sự thật. Bởi thế, nhà Phật dùng danh từ “*bất tương ưng hành pháp*”, người hiện thời gọi là “*khái niệm trừu tượng*”, chẳng có sự thật. Chữ “*nhất thời*” hay lắm!

“*Tế ngộ lương thời*” (gặp nhằm dịp tốt), nay ta gọi “*tế ngộ*” là cơ hội, điều kiện đầy đủ, nhằm vào lúc ấy “*sư tư đạo hợp*” (thầy trò đạo hợp), thầy gặp được trò ngoan, trò ngoan gặp được thầy giỏi, trò vui thích học, thầy vui vẻ dạy, gặp nhằm lúc đó là “*nhất thời*”. Thầy dù có hay nhưng chẳng gặp được trò tốt thì cũng uổng công; dù trò có tốt chẳng gặp được thầy giỏi, tình hình ấy rất nhiều. Bởi thế, Thiện Đạo đại sư nói mấy câu khiến chúng tôi càng nghĩ càng bội phục, lão nhân gia nói “*tổng tại ngộ duyên bất đồng*” (nói chung là gặp duyên khác nhau). Duyên quan trọng nhất là nhân sự (quan hệ giữa người với người); chúng ta có thể thành tựu hay không? Cá nhân tu hành có thể thành tựu hay không? Đối với xã hội, đối với đại chúng có thể cống hiến hay không? Đều là do gặp duyên khác nhau! Quan trọng nhất là chí đồng đạo hợp.

Trong Phật pháp nói đến Lục Hòa Kính, điều thứ nhất là Kiến Hòa Đồng Giải, tức là cách nghĩ và cách nhìn của mọi người nhất trí. Kiến lập sự nhất trí bằng cách nào? Nhất trí là buông bỏ cách nghĩ và cách nhìn của riêng

mình. Ta là phàm phu, đầu tiên phải thừa nhận, phải khẳng định điều đó. Ta là phàm phu, ta chưa giác ngộ, ta vẫn đang mê. Đã chưa giác ngộ thì cách nghĩ, cách nhìn của ta không chính xác. Mọi người chúng ta đều là phàm phu, hãy buông bỏ thành kiến của chính mình, tạm thời bỏ cách nghĩ, cách nhìn của mình sang một bên, chúng ta nghe lời Phật, chúng ta tiếp nhận lời Phật dạy răn, học theo cách nghĩ và cách nhìn của Phật, làm theo cách Phật làm, đó gọi là "*học Phật*". Có giữ được cách nghĩ, cách nhìn, cách làm của Phật hay không, điều này cần phải có tín tâm. Tín tâm do đâu mà có? Chấp nhận Phật là bậc giác ngộ, Phật là bậc minh tâm kiến tánh, tư tưởng, hành vi của Phật lưu lộ từ tánh đức trong tự tánh. Đến khi chúng ta chứng đắc Phật quả rồi (chứng đắc Phật quả là minh tâm kiến tánh, là thực sự đạt được Như Thị), thì cách nghĩ, cách nhìn, cách làm của chúng ta hoàn toàn giống với chư Phật Như Lai, Phật Phật đạo đồng.

Vì sao? Vì thấy tánh rồi, tư tưởng, kiến giải, ngôn hạnh của quý vị toàn bộ đều từ tự tánh lưu lộ ra. Chưa kiến tánh thì chúng lưu lộ từ phiền não tập khí; bởi thế, chúng dính mắc tự tư, tự lợi, dính mắc tham - sân - si - mạn. Chư Phật, Bồ Tát, Pháp Thân Bồ Tát chắc chắn không tự tư tự lợi, nhất định chẳng có tham - sân - si - mạn, như vậy là rất hợp lý. Do vậy, chúng ta phải tự phản tỉnh xem chúng ta còn có tự tư tự lợi hay chẳng? Chúng ta còn có tham - sân - si - mạn hay chẳng? Vẫn còn một chút. Còn một chút là trật rồi, còn một mảy may là trật rồi, quý vị chưa giác ngộ, chưa kiến tánh; phải đoạn cho đến một mảy cũng chẳng còn, đó là Kiến Tánh. Chúng ta vẫn còn có tư tâm, [tức là] vẫn còn có yêu - ghét, yêu thích cái này, chán ghét cái kia, trật rồi! Ai ưa thích? Ta yêu thích. Ai chán ghét? Ta chán ghét. Quý vị vẫn còn có cái Ta (Ngã). Hễ có Ngã là có tự tư tự lợi.

Trong kinh luận Duy Thức Học thường nói "*bốn đại phiền não thường theo sát*", điều này chẳng cần phải học, mà là tập khí trong đời đời kiếp kiếp từ vô lượng kiếp đến nay. Đầu tiên là Ngã Kiến, đây là gốc! Ngã Kiến là chấp trước nghiêm trọng, chấp trước thân này là Ngã, chấp trước cái có khả năng tư duy tưởng tượng này nọ là Ngã, đó là Ngã Kiến. Hễ có Ngã Kiến, chắc chắn sẽ chấp trước Ngã Ái, có Ngã Si, có Ngã Mạn, bốn đại phiền não, đó là phàm phu! Người thực sự giác ngộ sẽ chuyển Mạt Na Thức thành Bình Đẳng Tánh Trí, bốn thứ phiền não trên đây không còn nữa. Bởi thế, phải thường tự nghĩ mình là hạng người gì? Là phàm phu, chẳng phải là Phật, chẳng phải là Bồ Tát!

Đã là phàm phu, thực sự biết mình là phàm phu, hãy buông bỏ thành kiến của chính mình, buông bỏ cách nghĩ, cách nhìn, cách làm, cách nói của chính mình, buông bỏ hết! Tùy thuận đức Phật dạy răn, đó là hạng người

thông minh bậc nhất, người như vậy gọi là "chân chánh học Phật". Người ấy thực sự tu hành, chẳng cần phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp mà có thể thành công trong một đời. Ba đại A-tăng-kỳ kiếp là nói với ai? Nói với hạng người bán tín bán nghi. Quý vị nói họ chẳng tu ư? Họ tu hằng ngày, quý vị nói họ thực sự tu ư? Chẳng thấy! Họ chưa quên được mình. Lúc cảnh giới hiện tiền vẫn là vọng tưởng, tập khí làm chủ, hạng người như vậy muốn thành tựu phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, phải mất vô lượng kiếp. Thực sự buông phiền não, tập khí xuống được, hoàn toàn nghe theo lời Như Lai giáo huấn; câu cuối cùng của kinh này là "*y giáo phụng hành*", thực sự y giáo phụng hành sẽ nhanh lắm! Nhất là đối với pháp môn này là pháp môn thành Phật ngay trong một đời. "*Nhất thời*": Có thể thành tựu được trong một thời.

6.2.1.4 Giảng về Chủ Thành Tựu

Câu thứ tư là Chủ Thành Tựu "*Phật*". Phật là dịch âm tiếng Phạn "*Phật Đà Da*", người Hoa thích đơn giản, lược bớt những âm cuối, chỉ gọi gọn là Phật. Phật có nghĩa là "*tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, đại sư của trời người, gọi là Phật*". Chữ Phật này gồm rất nhiều ý nghĩa, bản thể của nó là trí huệ, có ba thứ trí: Nhất Thiết Trí, Đạo Chứng Trí, Nhất Thiết Chứng Trí. Trí khởi tác dụng là giác, tự mình giác; sau khi tự giác, phải giúp người khác giác ngộ. Vì sao? Tự và Tha là một, chẳng phải hai. Phải hiểu đạo lý này, phải hiểu rõ chân tướng sự thật, phải thấu suốt. Giác hạnh viên mãn là trí huệ, giác ngộ đến mức viên mãn, vạn sự vạn pháp trong vũ trụ nhân gian không gì chẳng hiểu rõ. Rất nhiều tôn giáo ca ngợi thần, ca ngợi Thượng Đế là "toàn tri, toàn năng"; giác hạnh viên mãn là toàn tri toàn năng, không gì chẳng biết, không gì chẳng giác, không gì chẳng thể, đến lúc ấy, ta gọi người ấy là Phật. Phật là tiếng Phạn, "*nhân thiên đại sư*": Thầy dạy tốt của nhân gian lẫn cõi trời. "*Đại sư*" là tiếng tôn xưng tối cực, tôn xưng đến cùng cực, "*đại sư*" là Phật.

Nay có không ít người tự xưng là Đại Sư, thời cổ không có việc này. Quý vị thấy những vị pháp sư dịch kinh thời xưa, đạo đức, học vấn, tu dưỡng đều đạt đến mức độ cao, nhưng họ khiêm hư. Chúng ta thường thấy trong phần ghi tên người phiên dịch đề là Tam Tạng Pháp Sư; khiêm tốn hơn một chút là Sa Môn, chẳng dám xưng là Pháp Sư. Thông đạt Kinh - Luật - Luận xưng là Tam Tạng Pháp Sư, chỉ thông đạt một loại trong Kinh - Luật - Luận, không dám xưng là Tam Tạng Pháp Sư. Thông đạt Giới Luật xưng là Luật Sư, thông đạt luận điển xưng là Luận Sư, thông đạt kinh giáo thường xưng là Pháp Sư, chẳng dám thêm chữ Tam Tạng. Tam Tạng Pháp Sư thông suốt

hết thầy. Chẳng ai dám xưng là Đại Sư cả! Đại Sư là Phật. Các đồng học chúng ta phải nhớ kỹ điều này, ngàn vạn phần trong tương lai chẳng được tự xưng là Đại Sư! Quý vị xưng là Đại Sư là quá kiêu mạn, quá vượt phạm. Người khác gọi quý vị là Đại Sư thì phải giảng rõ cho họ hiểu mình bạch chẳng được xưng hô như vậy. Xưng "đại pháp sư" vẫn là miễn cưỡng, chữ Đại ấy là tôn xưng, xưng là Đại Pháp Sư, chẳng thể xưng là Đại Sư, phải hiểu nhé!

Giống như trong thế gian, danh xưng chẳng được dùng loạn xạ. Đại Sư là Phật, kẻ kia chưa phải là Phật mà xưng Đại Sư là đã vượt phạm rồi. Ví như quý vị chẳng phải là Tổng Thống, quý vị bảo mọi người "ta là Tổng Thống", người ta đều gọi quý vị là Tổng Thống, thành ra thứ gì? Người thế gian làm như vậy là phạm pháp! Trong Phật pháp có phạm pháp hay chẳng? Phạm pháp chứ! Pháp thế gian chẳng xử phạt quý vị thì thần hộ pháp sẽ ra tay, quý vị vượt phạm quá đáng rồi! Nhưng rất nhiều bậc tổ sư, đại đức sau khi đã viên tịch rồi, người đời sau gọi các Ngài là Đại Sư nhằm đặc biệt tỏ lòng lễ kính các Ngài, vậy là đúng. Các vị chẳng biết đến, người đời sau tôn kính, như vậy là đúng.

Thế nhưng có một ngoại lệ, tổ sư Tịnh Độ Tông nhất loạt được gọi là Đại Sư, nhưng gọi là Đại Sư cũng chẳng phải lúc họ đang còn sống, mà đều là sau khi đã vắng sanh, người đời sau tôn xưng. Bởi lẽ, những vị Tổ Sư ấy cũng là do người đời sau tôn trọng [mà tôn làm tổ sư], chứ Tịnh Độ Tông không có truyền thừa, chẳng phải do đời này truyền cho đời kia. Các tông các phái khác đều là từ đời này truyền sang đời kia, Tịnh Độ Tông không như vậy, Tịnh Độ Tông không có! Do đâu có Tổ Sư Tịnh Độ Tông? Do người đời sau tuyển chọn, giống như tuyển cử dân chủ vậy. Cá nhân ấy tu hành đạt thành tựu trong Tịnh tông, đối với Tịnh tông có cống hiến rất lớn, người đời sau bèn xưng vị ấy là Tổ Sư, chẳng phải chính vị ấy xưng là Tổ Sư. Vì thế, tổ sư Tịnh Độ Tông là tuyển chọn dân chủ, nhưng được xưng là Đại Sư chẳng nhằm lúc họ đang còn sống.

Quý vị biết lúc Ấn Quang đại sư còn tại thế, đều xưng là "pháp sư Ấn Quang". Quý vị thấy bản Văn Sao đầu tiên, lúc lão nhân gia còn tại thế, mang tựa đề Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, không xưng là đại sư. Sau khi lão nhân gia đã vắng sanh, người đời sau gọi tác phẩm ấy là Ấn Quang Đại Sư Văn Sao thì được! Lúc Ngài còn tại thế, chẳng thể xưng như vậy. "*Nhân thiên đại sư*", Phật xưng như vậy thì được, Bồ Tát đều chẳng được. Bồ Tát xưng là Đại Sĩ, xưng là Khai Sĩ, xưng là Chánh Sĩ, chẳng thể xưng Đại Sư. Đó là kiến thức thông thường, chúng ta phải hiểu. A! Bây giờ đã hết giờ rồi!

6.2.1.5. Giảng về Xứ Thành Tự

Chư vị đồng học!
Xin hãy xem tiếp phần sau:

Tại Xá Vệ Quốc, Kỳ Thọ Cấp Cô Độc viên.

在舍衛國，祇樹給孤獨園。

(Trong nước Xá Vệ, vườn của ông Cấp Cô Độc, cây của thái tử Kỳ Đà).

Xá Vệ (Srāvastī) là dịch âm tiếng Phạn, dịch nghĩa là Văn Vật, "thứ văn Văn Vật" (ở đây kêu là Văn Vật). Văn Vật có hai nghĩa:

1) "Văn" ngụ ý ở nơi ấy có rất nhiều người đa văn, nói theo cách bây giờ là có rất nhiều người thấy nhiều biết rộng, có học vấn, có đạo đức, có kiến thức. Nói cách khác, nói như cách chúng ta hiện thường nói, khu vực ấy trình độ văn hóa rất cao. Chữ "Văn" biểu thị ý nghĩa này.

2) "Vật" là sản vật phong phú.

Nói như bây giờ thì Vật là văn minh vật chất, Văn là văn minh tinh thần, đều thù thắng phi thường. Đó là địa phương tốt, rất khó có được.

Xá Vệ vốn là danh xưng của một thành thị, thành thị ấy rất nổi danh, nên dùng tên thành thị ấy để đặt tên cho quốc gia. Giống như trong xã hội hiện tại, chúng ta lấy Bắc Kinh đại diện cho Trung Quốc, lấy Washington DC đại diện cho Mỹ Quốc, ý nghĩa giống như vậy.

Kỳ Đà cũng là tiếng Phạn, Tu Đạt Đa cũng là tiếng Phạn; đó là tên của hai người. Kỳ Đà (Jeta) là tiếng Phạn, Tu Đạt Đa (Sudatta) cũng là tiếng Phạn, đây là tên của hai người. Kỳ Đà là thái tử, Tu Đạt Đa là đại thần, trưởng giả. Hai người này bố thí một khu đất, dâng cho Phật kiến lập đạo tràng tại đó để giáo hóa chúng sanh. Câu chuyện này không cần giảng, trong Kinh Luật Di Tướng có ghi, trong Pháp Uyển Châu Lâm cũng có, rất nhiều chú giải kinh A Di Đà của các vị pháp sư cũng giảng rất tường tận, ở đây chúng tôi lược đi không nói.

Tu Đạt Đa dùng vàng ròng trải đất để mua hoa viên của thái tử Kỳ Đà, thái tử Kỳ Đà thấy ông ta làm như vậy, bị cảm động. Chàng hỏi: "Thích Ca Mâu Ni Phật là hạng người nào mà ông tôn trọng đến thế? Hy sinh lớn lao như vậy?" Vườn hoa của Thái Tử đẹp vô cùng, Tu Đạt Đa đòi mua lại, Thái Tử cười giỡn: "Nhà ông giàu có, vàng ròng rất nhiều, ông đem vàng ròng

trái kín chỗ này, tôi sẽ bán cho ông!” Tu Đạt Đa làm thật, Kỳ Đà cảm động nói: “Hai người mình chung sức, chúng ta cùng cúng Phật”. Tu Đạt Đa không chịu, nói: “Công đức là một mình tôi làm”.

- Tốt lắm! Vậy cũng tốt! Đất này ông trái vàng ròng, tôi bán đất cho ông; hoa cỏ trong vườn này là của tôi, ông không có cách nào dát vàng được. Tốt! Đất bán cho ông, tôi phá sạch toàn bộ hoa cỏ cây cối đi!

Tu Đạt Đa hết cách: “Tốt! Tốt! Hai người hợp tác”. Bởi thế gọi là Kỳ Thọ Cấp Cô Độc viên (Jetavane Anāthapindikassa Ārāma, vườn của ông Cấp Cô Độc, cây của thái tử Kỳ Đà).

“Cấp Cô Độc” (Anathapindika) là Tu Đạt Đa. Người đương thời trong thành thị đó tặng cho ông ta danh xưng ấy, bởi ông thường bố thí người cô độc, già cả; nói như bây giờ, trưởng giả Tu Đạt Đa rất thích làm công tác từ thiện xã hội, giúp đỡ người cô khổ và người già cả. Kẻ không nơi nương dựa ông đều chiếu cố, bởi thế được tặng danh hiệu Cấp Cô Độc. Đạo tràng ấy gọi là Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên vì Kỳ Đà là thái tử, đặt tên chàng ta lên trước. Câu chuyện “*hoàng kim bố địa*” (vàng ròng phủ đất) chỉ có vậy mà thôi!

Hai người bọn họ cúng dường nơi ấy để Phật giáo hóa chúng sanh, Thích Ca Mâu Ni Phật có tiếp nhận hay chẳng? Đức Phật hoan hỷ tiếp nhận. Nhưng ở đây, chúng ta phải quan sát tỉ mỉ cho rõ, đức Phật tiếp nhận sự cúng dường của họ là tiếp nhận quyền sử dụng, chứ nhất định không tiếp nhận quyền sở hữu. Nếu nói vườn hoa này của tôi cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật, quyền sở hữu đều giao cho Thích Ca Mâu Ni Phật, thì Thích Ca Mâu Ni Phật xuất gia, bây giờ lại có một cái nhà, chẳng phải là “*hồi gia*” (trở về nhà) ư? Quý vị nghĩ có phải đúng như vậy hay chẳng? Cả một đời Thích Ca Mâu Ni Phật tiếp nhận quốc vương, đại thần, cư sĩ, trưởng giả cúng dường, thảy đều là quyền sử dụng, quyết định chẳng có quyền sở hữu, nhất định phải hiểu điều này! Tâm địa vĩnh viễn thanh tịnh, chắc chắn không khởi tâm tham, nhất định chẳng có phân biệt, chấp trước. Hành vi của lão nhân gia làm gương cho những người đời sau như chúng ta. Chúng ta phải nhớ rõ, nếu coi quyền sở hữu tài sản là của chúng ta thì trật rồi, quý vị hồi gia mất rồi!

Người chân chánh tu đạo chẳng hề tham luyến mảy may gì trong thế gian này. Bởi thế, nay chúng ta kiến lập đạo tràng, nhất định phải thành lập một nhóm đại biểu về mặt pháp lý. Tài sản ấy chẳng thuộc quyền tư hữu của một cá nhân nào cả, những người ấy hợp thành Đồng Sự Hội (hội đồng quản trị). Đồng Sự Hội có thể thỉnh người tại gia hay xuất gia đảm nhiệm, người ấy có quyền xử lý tài vật, nhân sự trong đạo tràng, ủy thác người

chân chánh hữu tu hữu học, đức cao trọng vọng, dù là pháp sư hay là cư sĩ đều được cả. Ủy thác cho người ấy, tức là mời người đó, Đồng Sự Hội thỉnh người đó trụ trì, mời người ấy lãnh trách nhiệm làm người quản lý đạo tràng. Người ấy đến quản lý, đến phụ trách việc dạy dỗ, thực hiện sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh.

"*Kỳ Thọ Cấp Cô Độc viên*" là người giữ chủ quyền đạo tràng ấy, tức là thái tử Kỳ Đà và trưởng giả Cấp Cô Độc, họ giống như Đồng Sự Hội, mời mọc (trong nhà Phật gọi là "lễ thỉnh") Thích Ca Mâu Ni Phật và các học trò của Ngài đến thường trụ nơi đó, đến đó tu hành, giảng kinh, thuyết pháp. Đương nhiên dân chúng nơi ấy đến nghe kinh, người đến học tập hết sức đông đảo. Trong kinh điển thường nói là một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, nên lại phải nêu tên vài vị thượng thủ. Trên thực tế, nêu tên những vị thượng thủ nhằm biểu thị pháp nghĩa nên phần đầu của các một bộ kinh không hoàn toàn giống nhau. Lấy vài người đại biểu cho nội dung của pháp môn ấy, nhằm dụng ý này. Bởi thế, chẳng thể tùy tiện nêu tên, chúng ta phải chú ý học tập điều này.

Người tu đạo, người giác ngộ chắc chắn chẳng vướng mắc danh văn, lợi dưỡng, thiền sư Trung Phong đã làm gương cho chúng ta. Từ truyện ký của Ngài, chúng ta đã thấy: Chùa Linh Ẩn ở Hàng Châu là một ngôi phạm sát¹⁵[15] bậc nhất, nay chúng ta gọi là một ngôi chùa to, thỉnh Ngài làm phương trượng trụ trì, Ngài từ tạ không làm. Vì sao? Nhằm răn dạy hậu học tránh xa danh văn, lợi dưỡng, đa sự chẳng bằng thiếu sự, thiếu sự chẳng bằng vô sự! Cả một đời Thích Ca Mâu Ni Phật theo đuổi công tác giáo huấn, là gương mẫu cho chúng ta. Người xuất gia làm gì cho xã hội? Người sống trong cõi đời chẳng thể không làm gì, đều phải cống hiến đôi chút cho xã hội và đại chúng. Sự cống hiến là sự nghiệp cả đời mình theo đuổi, mọi người vì mình, mình vì mọi người. Người xuất gia tiếp nhận sự cúng dường của mọi người trong xã hội, chúng ta đền đáp bằng cách nào? Trước hết, phải hiểu rõ người xuất gia đảm nhiệm vai trò gì trong xã hội?

Chúng ta cứ nhìn kỹ đức Thích Ca Mâu Ni Phật là biết ngay, suốt đời dạy dỗ. Dạy dỗ là giáo dục. Bốn mươi chín năm giảng kinh thuyết pháp, giảng kinh hơn ba trăm hội. Hơn ba trăm hội đó nói theo ngôn ngữ bây giờ là thực hiện các hoạt động; thực hiện các hoạt động quy mô lớn nhỏ, trường kỳ, đoản kỳ hơn ba trăm lần. Giống như chúng ta hiện nay thực hiện các khóa giảng Phật học, mở lớp bồi dưỡng huấn luyện ngắn hạn, lập học viện trường kỳ; cũng có lúc nhận lời các nơi khác mời đến giảng kinh ngắn hạn, các

15[15] Phạm sát (Brahmākshetra): Phạm có nghĩa là thanh tịnh. Sát có nghĩa là khu vực, chẳng hạn Phật độ, Phật quốc, đều gọi là Phật sát. Phạm sát có nghĩa là ngôi chùa thanh tịnh.

hoạt động giảng diễn như vậy; hơn ba trăm hội của đức Thế Tôn giống như vậy đó. Hằng ngày theo đuổi công tác giảng dạy, giáo hóa chúng sanh, sự nghiệp ấy là sự nghiệp gì? Nói như hiện tại là giáo dục xã hội. Đối tượng được giáo hóa chẳng phân biệt quốc gia, chẳng phân biệt chủng tộc, không phân biệt tôn giáo tín ngưỡng, người đến chẳng cự tuyệt, người đi không níu kéo, đó là điều người hiện tại gọi là "*giáo dục xã hội văn hóa đa nguyên*". Chúng ta phải hiểu rõ, phải thấy minh bạch. Thích Ca Mâu Ni Phật cả một đời không làm những pháp hội như hiện tại, không hề có! Siêu độ? Không có! Vì người chết tụng kinh? Không có!

Chúng ta phải chú ý quan sát, những pháp hội siêu độ giống như hiện tại là do người đời sau lưu truyền, chứ chẳng phải do đức Phật lưu truyền. Đối với lịch sử chúng ta phải hiểu, phải thấu suốt, đừng lầm lẫn phương hướng, mục tiêu. Đức Phật dạy dỗ chúng ta nhằm mục đích gì? Mục đích là dạy chúng ta giác ngộ. Thành Phật là thành tựu giác ngộ rốt ráo viên mãn, giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ chẳng nhiễm, đó là Phật. Vườn rừng, đạo tràng, thế nào là đạo, phải hiểu cho rõ! Cái Đạo nói bởi Nho gia Trung Quốc là luân lý đạo đức; cái Đạo nói trong nhà Phật là luân lý giác ngộ, phương pháp giác ngộ, cảnh giới giác ngộ, đó là Đạo, là con đường Đạo. Con đường chuyển phàm thành thánh, con đường phá mê khai ngộ, con đường đoạn ác tu thiện, đó là con đường Đạo! Những nơi chốn chỉ dạy những điều ấy được gọi là "*đạo tràng*". Giới thiệu cùng quý vị đoạn đầu tiên như thế.

6.2.1.6. Đại chúng cùng nghe (Chúng Thành Tựu)

6.2.1.6.1. Thuyết minh thính chúng

Đoạn thứ hai là "*đại chúng đồng văn*" (đại chúng cùng nghe). Từ "*dữ chư đại tỳ-kheo Tăng, thiên nhị bách ngũ thập nhân câu, giai thị đại A La Hán chúng sở tri thức*" (và các đại tỳ-kheo tăng, một ngàn hai trăm năm mươi người câu hội, đều là đại A La Hán, được mọi người hay biết) cho đến "*cập Thích Đề Hoàn Nhân đẳng, vô lượng chư thiên đại chúng câu*" (và Thích Đề Hoàn Nhân v.v... vô lượng chư thiên đại chúng cùng nhóm). Đó là đoạn thứ hai nói về "*đại chúng đồng văn*". Đối với đoạn này, tôi viết: "*Vị hậu học thị phạm, thiện tự thủ sư*" (vì hậu học nêu khuôn phép, khéo giữ phép tắc làm thầy). "*Thủ*" là "*thủ pháp*" (tuân thủ phép tắc), Sư là pháp sư. Những vị ấy đều là gương mẫu, làm mô phạm cho đại chúng, chúng ta phải học theo các Ngài.

Kinh văn ghi rất rõ "*đại tỳ-kheo tăng*". Tỳ-kheo là Tiểu Thừa, trước đó

thêm chữ Đại, ý nói chẳng phải Tiểu Thừa, mà là Đại Thừa tỳ-kheo, học tập pháp Đại Thừa. Đây là các đệ tử thường theo học với Thích Ca Mâu Ni Phật, trường kỳ theo học với thầy. Thầy đi đến đâu họ theo đến đấy, theo suốt đời! Bởi thế, họ là một đoàn thể khá quy mô, một đoàn thể giáo học, một đoàn thể hoạt động giáo dục xã hội, tổng số là một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, lược đi con số năm người lẻ, chỉ lấy số chẵn, thành một ngàn hai trăm năm mươi người, chứ trên thực tế là một ngàn hai trăm năm mươi lăm người. Trong chú giải kinh A Di Đà đã nhắc đến rồi, đã giới thiệu rất tường tận rồi.

Lại xem tiếp, những người ấy "*giai thị đại A La Hán, chúng sở tri thức*". Thật là bất phàm! Thế nào là A La Hán (Arhat)? A dịch là Vô, La Hán là học hỏi; bởi thế A La Hán dịch sang tiếng Trung Quốc là Vô Học. Vô Học nghĩa là gì? Giống như nay chúng ta đã tốt nghiệp rồi, họ đã viên mãn các học phần (credits) rồi, tốt nghiệp rồi. Tốt nghiệp là vô học (không còn học nữa). Bậc Vô Học Tiểu Thừa tu viên mãn pháp Tứ Đế, gọi là A La Hán, đắc Chánh Giác. A La Hán là danh xưng học vị (degree); [các vị đại tỳ-kheo ấy] đã đạt học vị A La Hán, họ thực sự thành tựu Chánh Giác. Có nghĩa là tư tưởng, kiến giải, ngôn hạnh của họ đều không lầm lỗi, đoạn sạch Kiến Tư phiền não. Kinh luận thường nói tám mươi tám phẩm: Tu Đà Hoàn đoạn sạch tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc phiền não trong tam giới. Tám mươi một phẩm Tư Hoặc thuộc tam giới cửu địa cũng đoạn sạch, Kiến Tư phiền não đoạn sạch thì chứng quả A La Hán.

Nói cách khác, họ chẳng có cái luân hồi trong lục đạo nữa; do nhân không còn nên siêu việt luân hồi lục đạo. Nếu họ muốn trở lại luân hồi trong lục đạo nhằm giáo hóa chúng sanh thì đó là "*thừa nguyện tái lai*" (nương theo bốn nguyện trở lại). Chúng sanh có cảm, họ bèn có ứng, nương theo nguyện mà đến, chẳng do nghiệp lực. Phạm phu trong sáu đường không ra khỏi luân hồi lục đạo là vì nghiệp lực. Nghiệp lực là gì? Là Kiến Tư phiền não. Kiến Tư phiền não chẳng đoạn, làm sao quý vị thoát khỏi luân hồi lục đạo được! Quý vị phải từ đó quán sát, suy nghĩ thì mới biết là khó, rất ư là khó! Bởi thế, chúng ta chẳng thể không cảm tạ A Di Đà Phật. Nếu A Di Đà Phật chẳng mở ra cho chúng ta pháp môn đời nghiệp vãng sanh này, nhất định chúng ta chẳng thể thành tựu trong một đời này được!

Mỗi một vị đồng học nghe rồi phải tự phản tỉnh, quý vị đã đoạn được vọng tưởng, tạp niệm hay chưa? Trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, cho đến lúc đêm ngủ, quý vị chưa hề đoạn vọng tưởng. Đêm ngủ bèn nằm mộng, mộng do đâu mà có? Do vọng tưởng biến hiện ra. Quý vị không đoạn sạch vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, không ra khỏi luân hồi lục đạo được!

May sao có pháp môn đối nghiệp vãng sanh này. Trong kinh, đức Phật nói rất rõ rệt: Pháp môn này là pháp khó tin. Khó tin mà tin được, thế là quý vị phước đức khôn sánh, trí huệ khôn sánh. Quý vị có thể chọn lựa pháp môn này, chết sạch lòng mong ngóng, so đo, khiêm hư sát đất tu học, trong một đời sẽ siêu việt lục đạo, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, Tiểu Thừa A La Hán chẳng thể sánh bằng quý vị. Quý vị thù thắng hơn họ rất nhiều!

Đại Thừa A La Hán chỉ những ai? Tốt nghiệp Đại Thừa rồi, không học nữa. Thừa cùng quý vị, đó là Pháp Vân Địa Bồ Tát, tức là Thập Địa Bồ Tát, tốt nghiệp rồi. Đại A La Hán tức là Pháp Vân Địa Bồ Tát. Ở đây, đức Phật bảo những vị này "đều là đại A La Hán", chẳng phải là Tiểu Thừa. Chẳng phải là Tiểu Thừa nghĩa là sao? Họ đến đóng tuồng, sắm vai Tiểu Thừa. Ở đây, họ diễn vai Tiểu Thừa, chứ trên thực tế họ là đại A La Hán. Trong số ấy, có không ít vị sẽ sớm thành Phật, chẳng hạn như các ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, ai nấy đều biết, họ là Cổ Phật Tái Lai.

Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí đều là Cổ Phật Tái Lai, nhưng làm chúng Bồ Tát [trong kinh này]. Còn ở đây, [các vị Thập Địa Bồ Tát] thị hiện làm chúng Thanh Văn. Một đức Phật xuất thế, ngàn đức Phật ủng hộ, đều nhằm làm gương cho chúng ta. Còn chúng ta thì nếu kẻ nào thành tựu, rất nhiều kẻ khác muốn đả kích, ghen ghét, phá hoại, chướng ngại, tạo vô lượng vô biên tội nghiệp, đấy là mê! Người giác ngộ thấy kẻ khác thành tựu thì mọi người giúp đỡ, ủng hộ kẻ ấy. Giống như diễn tuồng, anh đóng vai chánh, tôi thay anh đóng vai phụ, không ai chẳng hoan hỷ, đề cao anh. Tuồng hát đó diễn hay, nhằm mục đích gì? Để giáo hóa hết thảy chúng sanh, giúp hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ.

Bởi thế, cổ đại đức thường nói: "*Nhược yếu Phật pháp hưng, duy hữu Tăng tán Tăng*" (Nếu muốn Phật pháp hưng khởi thì chỉ có Tăng khen ngợi Tăng). Người xuất gia khen ngợi lẫn nhau thì Phật pháp hưng vượng. Nếu hủy báng lẫn nhau, khen mình, chê người, Phật pháp bèn diệt mất. Phật pháp hưng vượng sẽ có lợi cho chúng sanh, có lợi cho mình; Phật pháp diệt mất, mình chẳng được lợi gì, chúng sanh cũng chẳng lợi gì. Do vậy ta biết: Cát, hung, họa, phước đều chỉ trong một niệm của ta. Pháp thế gian lẫn xuất thế gian đều là đạo lý này. Một nhà hưng vượng, quý vị thấy người trong nhà đó hòa thuận, khen ngợi lẫn nhau, vui sướng, gia đình ấy hưng vượng. Nếu gia đình ấy ngờ vực, dò xét lẫn nhau, không tin tưởng nhau, mỗi cá nhân đều thấy khuyết điểm của đối phương, trợn chẳng nói tới ưu điểm của đối phương, không lâu sau, gia đình ấy sẽ bại vong, đó là điều chắc chắn!

Đoàn thể, công ty, hãng tiệm, cho đến quốc gia, đều không ra ngoài lệ

ấy. Quốc gia làm thế nào để hưng vượng? Thế giới phải làm sao mới được hòa bình? Thánh nhân thấy rất rõ ràng, giảng rất thấu triệt. Nếu ta thực sự giác ngộ, hiểu rõ, y giáo phụng hành, bắt đầu từ trong gia đình, "*gia hòa, vạn sự hưng*". Trong đoàn thể nhỏ của chúng ta, tứ chúng đồng tu ở cùng một chỗ, khen ngợi lẫn nhau thì đạo tràng ấy sẽ hưng vượng. Chứ ngờ vực, ghen ghét, chướng ngại lẫn nhau thì đạo tràng ấy chẳng có tương lai. Đạo lý, chân tướng sự thật ấy đều là nhân quả báo ứng, chẳng thể không hiểu rõ, chẳng thể không kiên trì!

Người chết đi có đời sau, có kiếp sau, chẳng phải chết là hết. Nếu chết đi, mọi việc đều xong thì sao? Chẳng cần phải học Phật nữa. Chính vì chết đi vẫn còn có đời sau, sau đời sau còn có đời sau khác nữa, một đời này mình không tu cho tốt, chết đi không làm gì được, phiền phức rất lớn. Người thông minh, cổ nhân gọi là "*tiền hậu nhãn nhân*" ("*Tiền hậu nhãn*" tức là biết nghĩ đến tương lai, biết nghĩ đến mai sau), suy nghĩ nhiều về chuyện quá khứ, tương lai, nghĩ đến đời đời kiếp kiếp, nghĩ đến xã hội đại chúng, con người ấy là người hiểu rõ, là người giác ngộ. Nếu chỉ vì mình, chẳng biết vì người khác thì là kẻ hồ đồ, là điên đảo, mê hoặc. Bởi vậy, những người kề cận Phật, kể cả tại gia cư sĩ, trong số ấy có những vị cổ Phật tái lai, đại Bồ Tát thị hiện, biểu hiện bề ngoài giống phàm phu, phàm nhân, thật ra là thánh nhân.

6.2.1.6.2. Biện định thính chúng duyên do

6.2.1.6.2.1. Biện định duyên do và vai trò của Thanh Văn Chúng

Chúng tôi thấy [sách Yếu Giải] nêu lên ba điều chánh yếu: "*Thanh Văn cư thủ, xuất thế gian tướng cố, thường tùy tùng cố, Phật pháp lại Tăng truyền cố*" (Thanh Văn đứng đầu [trong thính chúng] vì là tướng xuất thế gian, vì thường theo hầu Phật, vì Phật pháp phải nhờ vào Tăng để truyền). Đó là lý do đặt hàng Tiểu Thừa vào vị trí đầu tiên, bởi hình tướng của họ là hình tướng xuất gia, Bồ Tát không nhất thiết mang hình tướng xuất gia, phần đông mang hình tướng tại gia. Bồ Tát không nhất quyết thường theo Phật; Thanh Văn thường phải theo Phật. Vì sao? Còn chưa tốt nghiệp, tỳ-kheo là học trò chưa tốt nghiệp; chưa tốt nghiệp đương nhiên hằng ngày phải theo thầy. Bồ Tát tốt nghiệp rồi nên có thể tách khỏi thầy. Bởi thế, những học sinh ấy là học sinh còn đang theo học, vẫn chưa tốt nghiệp.

Thuở ấy, đức Phật dạy học không có trường sở cố định, trường học đặt tại đâu? Trong rừng, bên sông, bên khe nhỏ, chẳng có phòng ốc, chẳng có hết thảy trang bị, điều này chúng ta đều biết rất rõ. Các Ngài sanh sống và

ngủ dưới gốc cây, ăn một bữa trưa, chẳng có phòng nhà, thiết bị gì cũng không có, sống ngoài thiên nhiên. Trong quá khứ, chúng tôi có đọc cuốn "Âm thanh hoang dã", do người Mỹ viết về thổ dân Úc châu. Hiện thời, thổ dân châu Úc vẫn còn, bọn họ ở chính giữa nước Úc, thuộc khu vực sa mạc, thiết bị gì cũng chẳng có, giống như cuộc sống của Thích Ca Mâu Ni Phật thời Ngài tại thế, ngủ dưới gốc cây. Họ ăn toàn những thứ mọc hoang, giống như những người du mục đi đây đó kiếm ăn, chẳng ở chỗ nào nhất định. Họ cũng chẳng có y phục để mặc, thân thể khỏe mạnh, không hề ưu lự, không có gì vướng mắc, không có phiền não, tâm linh cảm ứng. Phương thức sanh sống của đức Phật lúc tại thế cũng giống như thế đó.

Sau này, đạo đức, học vấn, sự giáo hóa của đức Thế Tôn được đế vương, đại thần biết đến. Họ nghe rồi đều sanh tâm hoan hỷ, rất mong mỏi đức Thế Tôn đến sống và dạy dỗ trong đất nước của họ. Đức Thế Tôn tùy duyên, chẳng cố chấp tí nào, địa phương nào mời, Ngài liền đến nơi đó. Nhờ vậy, tiếp xúc xã hội rộng lớn, khuếch đại hiệu quả giáo dục, đúng là lợi ích hết thảy chúng sanh. Bồ Tát phân tán đến các nơi giáo hóa chúng sanh. Cũng có lúc Phật phái Thanh Văn đi; rất nhiều địa phương thỉnh, đức Phật chẳng thể đến hết mọi nơi được, bèn phái học trò đi. Dạy một thời gian bèn quay về, thay phiên, luân lưu dạy học, rất nhiều phen như thế.

Có những vị Bồ Tát, Thanh Văn có duyên rất sâu đậm với người nơi đó, nói cách khác, là thời gian dạy học ở nơi ấy rất dài, họ là những học trò hết sức ưu tú. Mỗi năm, đức Phật an cư kết hạ ba tháng. Trong ba tháng ấy, tất cả học sinh đi dạy bên ngoài đều phải quay về, đều phải về bên đức Phật, tiếp nhận tái giáo dục. An cư mùa Hạ là tái giáo dục, nêu gương tốt nhất cho chúng ta. Vì sao? Xã hội vĩnh viễn tiến bộ; nếu chính mình không tiến bộ, ắt sẽ thụt lùi, sẽ bị đào thải. Do đây, quý vị thấy Thích Ca Mâu Ni Phật suy nghĩ rất châu đáo! Quý vị ở bên ngoài giáo hóa người khác, mỗi năm lại quay về học ba tháng để tự nâng cao trình độ của mình.

Như hiện nay chúng ta biết, trong nước, ngoài nước rất nhiều viên chức, nhân viên kỹ thuật thuộc các công ty lớn mỗi năm đều có thời gian cố định được tái huấn luyện. Nếu họ chẳng được tái giáo dục, sẽ chẳng theo kịp tiến bộ kỹ thuật. Lúc tôi ở Mỹ quốc, có những đồng tu làm việc trong các công ty, mỗi năm độ chừng từ hai đến ba lượt đi tái huấn luyện. Thời gian mỗi lần khoảng chừng từ một tuần đến hai tuần, để nâng cao năng lực, kỹ thuật, học thức của chính mình. Nếu chẳng đi dự huấn luyện, quý vị lập tức bị đào thải, khoa học kỹ thuật mới lạ mỗi tháng, mỗi ngày, chúng ta phải đón đầu trước. Ba ngàn năm trước Thích Ca Mâu Ni Phật đã thành lập chế độ ấy, mỗi năm có ba tháng tấn tu giáo dục, tái giáo dục, đó gọi là An Cư

mùa Hạ.

Người xuất gia, "*Phật pháp lại Tăng truyền cổ*" (Phật pháp phải dựa vào Tăng để truyền), câu này rất quan trọng. Trách nhiệm của người xuất gia là truyền thừa giáo học của Như Lai. Nền giáo học xã hội đa nguyên văn hóa chẳng thể gián đoạn nửa chừng, chẳng những phải truyền từ đời này sang đời khác, mà còn phải khuếch trương rộng lớn; nhất là trong xã hội hiện thời, [giáo học Phật pháp] càng cần thiết cấp bách. Bởi thế người xuất gia phải biết thân phận của chính mình, biết sứ mạng, chức trách của chính mình. Tăng là một đoàn thể, chẳng phải là danh xưng cá nhân. Phần sau có một bản biểu giải. "*Tăng-già*" (Sangha), chúng ta gọi là Tăng, tinh lược âm cuối, có nghĩa là Hòa Hợp Chúng, nay ta gọi Chúng là "đoàn thể". Đoàn thể ấy được tôn kính nhất trong tất cả hết thảy đoàn thể thế gian, vì sao? Người trong đoàn thể ấy hòa hợp.

Hòa hợp có Lý, có Sự. Lý là "*đồng chứng nhất tâm bất loạn vô thượng Bồ Đề*", đây là Tịnh Độ tông của chúng ta. Mọi người chúng ta cùng ở một chỗ, mỗi cá nhân đều có cùng một mục tiêu, một phương hướng, tức là đều muốn chứng đắc Nhất Tâm Bất Loạn. Chứng đắc Nhất Tâm Bất Loạn thì mới thực sự nắm được điều kiện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới là chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề! Về Lý, chúng ta cùng vì mục tiêu ấy.

Về Sự, chúng ta cùng sanh hoạt chung, cùng sanh hoạt chung là Sự. Phật dạy chúng ta sáu điều kiện nhất định phải tuân thủ:

1) Thứ nhất là Kiến Hòa Đồng Giải, chúng ta phải nhất trí cách nghĩ, cách nhìn, nhất trí như thế nào? Hết thảy đều chiếu theo kinh điển.

2) Giới Hòa Đồng Tu: Giới là Giới Luật, chúng ta nhất định phải tuân thủ những quy định sanh hoạt.

3) Thân Hòa Đồng Trụ: Chúng ta sống trong tăng đoàn, đối xử hòa thuận với nhau.

4) Khẩu Hòa Vô Tránh: Chẳng tranh luận với nhau, bất luận ý kiến gì thảy đều quy nạp vào A Di Đà Phật.

5) Ý Hòa Đồng Duyệt: Tâm địa chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi.

6) Lợi Hòa Đồng Quân: Chúng ta sống bình đẳng, không sai biệt, mười phương cúng dường đều bình đẳng thọ dụng.

Cuối cùng còn có một điều nữa là Đồng Yết-ma. Yết-ma (karma) là tiếng Phạn, nói theo cách bây giờ là Hội Nghị. Việc gì mọi người cũng phải cùng nhau họp lại thương lượng, chẳng cá nhân nào độc đoán, độc tài cả, chẳng được như vậy. Bởi thế, Tăng đoàn thực sự phù hợp với những điều người hiện tại nói là "dân chủ, tự do, cởi mở". Người hiện thời nói "dân chủ, tự do,

cởi mở”, ba ngàn năm trước Tăng đoàn của Thích Ca Mâu Ni Phật đã tự do, dân chủ, cởi mở. Bởi thế, Phật pháp phải nhờ vào Tăng đoàn để duy trì, để truyền thừa, để phát dương quang đại.

Hôm nay hết giờ rồi, chúng tôi giảng đến đây thôi.

Tập 06

Chư vị đồng học!

Chúng ta tiếp tục xem Hệ Niệm Pháp Sự. Trước hết là trì tụng Phật Thuyết A Di Đà Kinh, tôi đã giới thiệu sơ lược sáu thứ Thành Tựu của tựa đề kinh cùng quý vị rồi. Nay chúng ta đang xem đoạn văn từ câu “*dữ đại tỳ-kheo Tăng, thiên nhị ngũ bách thập nhân câu*” cho đến “*cập Thích Đề Hoàn Nhân đẳng, vô lượng chư thiên đại chúng câu*”.

Đoạn kinh này được Ngẫu Ích đại sư phân khoa là “*đại chúng đồng văn*” (đại chúng cùng nghe). Đây là nêu gương cho hàng hậu học, nhằm mục đích mong cho chúng ta biết học theo loại nào [trong ba loại thính chúng] Những vị này đã làm gương cho chúng ta, hãy suy nghĩ căn tánh của chính mình, thực sự lấy những vị đại đức ấy làm gương để tự khích lệ chính mình tích cực nỗ lực học tập Phật pháp.

Ở đây đại chúng được chia thành ba loại, thứ nhất là Thanh Văn xuất gia chúng. “*Thanh Văn cư thủ, xuất thế tướng cố, thường tùy tùng cố, Phật pháp lại Tăng truyền cố*” (Thanh Văn đứng đầu, vì là tướng xuất thế, vì thường theo Phật, vì Phật pháp phải nhờ vào Tăng để truyền). Đó là lời chú giải trong sách Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư. Lần này chúng tôi giới thiệu tóm tắt sách Yếu Giải, văn tự không nhiều, nhưng hàm nghĩa rất sâu. Ai nấy đều biết rõ vấn đề hiện thời là Phật pháp trong thời đại hiện tại suy thoái đến tận cùng, không còn có thể suy hơn được nữa, suy hơn nữa thì Phật pháp bị diệt mất. Vì sao Phật pháp lại biến thành như thế? Câu “*Thanh Văn cư thủ*” (Thanh Văn được nêu đầu tiên) ở đây đã giải đáp vấn đề. Đối với ba câu này của Ngẫu Ích đại sư, chúng ta phải chăm chú phản tỉnh, ta có làm được như ba câu ấy hay không?

Thứ nhất là “*tướng xuất thế*”, tướng xuất thế chân chánh! Thích Ca Mâu Ni Phật đã nêu gương cho chúng ta thấy: Đối với pháp thế gian, Ngài thực sự chẳng nhiễm trước mảy may. Chúng ta niệm niệm dính mắc pháp thế gian, tham ái thế gian; điều này ta chưa làm được, làm sao có thể đứng hàng đầu? Bởi thế, đối với điều này nhất định chúng ta phải nghiêm túc phản tỉnh. Giáo nghĩa Đại Thừa trọng thực chất, chứ không trọng hình dáng, nhưng hễ có thực chất, ắt có hình dáng. Cổ thánh tiên hiền Trung Quốc nói:

"Thành ư trung, tất định hình chi ư ngoại" (Lòng Thành bên trong, nhất định hiện ra ngoài). Nếu tư tưởng, quan niệm của anh vượt ngoài thế gian, tất nhiên hành vi của anh là xuất thế.

Pháp xuất thế gian được hiển thị tại nơi đâu? Đối với danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần thế gian, chẳng hề có mảy may tâm tham luyến, niệm niệm giống như Phật, Bồ Tát. Đến thế gian này để làm gì? Đối với chính bản thân họ là để tu hành, tu hành là trải qua sự việc để luyện tâm; ta đến thế gian này để đào luyện, rèn giũa, hoặc là để khảo nghiệm, xem ta đối với thế gian này còn khởi tâm động niệm hay không, còn có vọng tưởng, chấp trước hay không? Đến khảo nghiệm là vì chính mình. Còn đối với đại chúng, ta đến thay thế Phật, Bồ Tát tiếp dẫn chúng sanh, dùng bản thân thực hiện lòng đại từ đại bi, phương tiện thiện xảo của Phật, Bồ Tát, hòng giúp đỡ hết thảy chúng sanh khổ nạn.

Giúp đỡ nhằm ba mục đích:

- 1) Giúp hàng thượng căn trong một đời này liễu sanh tử, xuất tam giới, vắng sanh Tịnh Độ, bất thoái thành Phật. Đó là giúp hàng thượng căn.
- 2) Giúp hàng trung căn phá mê khai ngộ, giúp họ nâng cao cảnh giới.
- 3) Giúp kẻ hạ căn gieo thiện căn Bồ Đề.

Nói cách khác, bất luận thượng, trung, hay hạ căn, chúng ta đều phải như chư Phật, Bồ Tát, bình đẳng lợi ích. Nói về phía mình, Lý - Sự bình đẳng. Nói về phía chúng sanh, Lý bình đẳng, nhưng Sự chẳng bình đẳng. Vì sao Sự không bình đẳng? Thiện căn, phước đức, nhân duyên của mỗi người khác biệt, đạo lý là đây! Tướng xuất thế chính là thấy thấu suốt, buông xuống, tự tại tùy duyên, chắt phác niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

"*Thường tùy tùng cố*" (Vì thường theo Phật): Lúc Phật tại thế, họ chẳng rời khỏi đức Phật; Phật đến đâu, học trò theo đến đó, làm "*thường tùy chúng*", chẳng tách rời! Nay Phật không còn tại thế, chúng ta phải thường tùy học như thế nào? Thường nương theo kinh giáo, thường nương theo thánh tượng Phật, Bồ Tát. Thánh tượng khiến cho lòng chân thành cung kính của ta có chỗ quy hướng, cái tâm chân thành, cái lòng cung kính của ta từ đâu sanh khởi? Từ hình tượng của Phật, Bồ Tát. Chúng ta thấy tượng Phật, thấy tượng Bồ Tát, đương nhiên khởi lòng kính ngưỡng, cung kính lễ bái, mỗi một Phật tử đều làm được điều này; nhưng phải dùng một phần tâm tình chân thành cung kính ấy dành cho hết thảy chúng sanh hiện hữu. Nói cách khác, chúng ta cung kính chân thành đối với hết thảy chúng sanh như đối với Phật không hai, không khác. Đây là ý nghĩa chân chánh của việc cúng dường tượng Phật, tượng Bồ Tát.

Trong sự "*thường tùy*" này, quan trọng nhất là "*thường tùy kinh luận*"

giáo hối" (thường tuân theo những răn dạy trong kinh luận), điều này quan trọng hơn bất cứ gì khác. Nếu chúng ta chẳng thể tuân theo những gì kinh luận dạy răn thì chúng ta đã tách khỏi Phật, Bồ Tát. Những đệ tử thường theo Phật khi ấy là một ngàn hai trăm năm mươi lăm (1.255) người, gồm những ai? Thầy trò ba anh em họ Ca Diếp tổng cộng một ngàn vị, thầy trò Xá Lợi Phất là một trăm vị, thầy trò Mục Kiền Liên cũng gồm một trăm vị. Con ông trưởng giả Da Xá cũng có một đoàn thể nhỏ gồm năm mươi lăm vị. Bởi thế cộng lại là một ngàn hai trăm năm mươi lăm người. Những vị này "*thường tùy Phật học*" (thường theo học với Phật), chứ chẳng phải là theo Phật đi chơi.

Các Ngài thị hiện điều gì? Tự thị hiện buông xuống hết thảy, thuận theo sự dạy răn của đức Phật. Quý vị có nhận ra ý nghĩa này chẳng? Nói như bây giờ, các Ngài buông bỏ thành kiến, cách nghĩ, cách thấy, cách nói, cách làm của chính mình, hết thảy đều tùy thuận sự dạy răn của đức Phật. Đức Phật dạy ta nghĩ thế nào, dạy ta thấy thế nào, dạy ta nói thế nào, dạy ta làm thế nào, đều làm theo như thế, đó gọi là "*học Phật*". Chúng Thanh Văn nêu một tấm gương rất tốt cho chúng ta!

Câu thứ ba là "*Phật pháp lại Tăng truyền cổ*" (Phật pháp phải nhờ vào Tăng để truyền). Đúng là vì người xuất gia hiện tượng xuất thế, thị hiện thường theo học với Phật, nên Phật pháp mới có thể tồn tại lâu dài trong thế gian. Chúng ta thường nghe nói "*chánh pháp cứu trụ*", nhưng phải làm được như vậy thì chánh pháp mới có thể trụ lâu dài. Nếu người xuất gia (ở đây gọi là Thanh Văn) tấm lòng, ý niệm, hành vi đều là tham - sân - si - mạn, háo danh, háo lợi, tham cầu hưởng thụ ngũ dục, lục trần, không có tướng xuất thế, khiến đại chúng trong xã hội thấy người xuất gia còn thua cả người tại gia, thì sao? Thì là diệt Phật pháp. Đấy chẳng phải là hưng khởi Phật pháp, mà là diệt Phật pháp. Quý vị lại chăm chú xem xét trong cuộc sống thường ngày của kẻ ấy, xử sự, đãi người, tiếp vật, tùy thuận phiền não tập khí của chính mình, hoàn toàn chẳng tuân thủ sự dạy răn của Phật, Bồ Tát. Há Phật pháp nhờ vào những kẻ ấy để truyền thừa được ư? Họ đâu có Phật pháp!

Hôm trước tôi xuống núi, buổi chiều ở lại Tịnh Tông Học Hội ở Bồ Lý Tư Bản (Brisbane), cư sĩ Cát Lai Mẫu (Martha Graham) ở Tất Ni (Tuyết Lê: Sydney) cùng các đại biểu Phật giáo Úc Châu (Úc châu có sáu tiểu bang) mở cuộc họp hai ngày tại Tịnh Tông Học Hội. Đại biểu Phật giáo các tiểu bang thảo luận thành lập Úc Châu Phật Giáo Hội. Tổ chức Phật Giáo toàn châu Úc vẫn chưa có, họ đề xướng, thảo luận chương trình, trong cuộc họp ấy bắt đầu công tác soạn thảo chương trình. Tôi xuống núi cùng với chín đại

biểu gặp gỡ nhau. Trong số đó, tôi thấy có một vị xuất gia ăn mặc theo lối Nam Tông, nêu vấn đề sau: “Bản thân Phật giáo chúng ta tông phái bất đồng, thậm chí trong cùng một tông phái, các tự viện bất đồng, mọi người chẳng ai qua lại với nhau, mỗi người một cách”. Sự cảm thấy rất khó chịu, nên mới nêu lên vấn đề đó.

Tôi bảo ông ta năm ngoái tôi sang thăm Nhật Bản, họp mặt cùng rất nhiều vị phương trượng trụ trì lãnh đạo trọng yếu trong Tịnh Độ Tông Nhật Bản. Lần họp mặt thứ nhất là để hoan nghênh tôi đến thăm Nhật Bản, lần thứ hai là để tôi đáp tạ. Trong đáp từ, tôi có nói, như ai nấy đều biết Phật Giáo có Đại Thừa, Tiểu Thừa, Hiền Giáo, Mật Giáo. Tại Trung Quốc còn có Tông Môn, Giáo Hạ. Trung Quốc có mười tông phái Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa, trong Tông môn (Thiền) lại phân thành các phái, trong mỗi phái lại chia thành hệ, có tình trạng như vậy! Hệ phái bất đồng, thậm chí trong cùng một hệ phái, nếu không cùng một đạo tràng, quả thật có chuyện không qua lại với nhau; đã thế còn mắc phải chứng bệnh rất lớn, khen mình, chê người, tự mình khen ngợi mình, hủy báng người khác. Đó là nguyên nhân khiến Phật giáo đọa lạc.

Bất kể tông phái chẳng tương đồng, thầy đều y chiếu kinh luận của Thích Ca Mâu Ni Phật để làm căn cứ tu học cho chúng ta. Kinh luận đều do đức Phật nói, bởi vậy, thực sự là người một nhà, là anh em ruột. Chúng tôi nghĩ: Cha mẹ sanh ra rất nhiều con, những đứa con ấy chẳng thương yêu, hòa thuận với nhau, mà kình chống nhau, không qua lại với nhau, chúng tôi nghĩ lòng cha mẹ rất buồn bực. Gia đình ấy trở thành như thế, cha mẹ buồn uất, thật là đại bất hiếu! Nhiều tông phái trong nhà Phật chẳng qua lại với nhau, đều cùng khen mình, chê người, chúng tôi nghĩ Thích Ca Mâu Ni Phật buồn lòng lắm! Phạm lỗi gì với Phật? Lỗi đại bất kính, đại bất hiếu!

Nói chẳng dễ nghe, đó chẳng phải hoằng dương Phật pháp, mà là phản Phật giáo, phản đối sự răn dạy của đức Phật trong kinh luận. Phật dạy chúng ta “*tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*” (tâm bao thái hư, lượng trọn khắp các cõi nhiều như cát), Phật chỉ dạy chúng ta “*từ bi vi bổn, phương tiện vi môn*” (từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa), Phật dạy chúng ta “*nhân từ bác ái, phá mê khai ngộ, là khổ được vui*”. Chúng ta nghĩ, nói, làm, hoàn toàn trái ngược với những điều ấy thì có còn là học Phật hay chẳng? Đây chẳng phải học Phật, mà là phản Phật! Đệ tử Phật phản đối sự răn dạy của đức Phật, há chẳng phải là dùng chiêu bài Phật giáo mà phản đối Phật ư? Họ tin tưởng vào điều gì? Họ tin tưởng vào phiền não tập khí của chính mình, tin tưởng danh vọng lợi dưỡng của chính mình, tin vào những thứ đó, chứ chẳng tin vào sự răn dạy của đức Phật.

Đối với tình hình ấy, phải làm sao? Thưa cùng quý vị, phải bắt đầu từ chính bản thân mình. Trong thời đại hiện nay, tự do, dân chủ rộng mở, đề xướng nhân quyền, nhân quyền cao hơn bất cứ gì khác! Chúng ta không thể can thiệp vào chuyện người khác, mà cũng chẳng thể phê bình người khác, chỉ có tự kiểm điểm, sửa lỗi, đổi mới, [tự xét] chính mình có mắc căn bệnh tệ hại ấy hay không? Điều trọng yếu là phải bắt đầu từ chính mình. Người khác khen mình chê người, chúng ta phải khác họ, ta phải khiêm hư, khen ngợi người khác. Dù người khác có chín mươi chín điều bất thiện, họ vẫn còn có một chuyện lành, chín mươi chín điều chẳng lành không cần nhắc tới, cũng chẳng để bụng, tự mình tu cho thuần tịnh, thuần thiện, thì tiền đồ Phật pháp mới có chút ánh sáng.

Tôi khuyến khích các vị đại biểu Phật giáo các nơi đến dự hội, chúng ta phải tự giác ngộ, phải tự đoàn kết, phải chủ động đi thăm các tông phái khác biệt, người này với người kia phải thường qua lại, phải khích lệ lẫn nhau. Ai có thể tiếp nhận, chúng ta sẽ nắm tay cùng thực hiện nhiệm vụ hoằng pháp lợi sanh; ai không thể tiếp nhận, đừng miễn cưỡng! Chẳng những chúng ta phải làm như thế đối với những tông phái khác biệt trong nhà Phật, mà đối với hết thảy các tôn giáo khác biệt trong thế gian, chúng ta cũng phải chủ động đi thăm hỏi.

Chúng tôi muốn đem quan niệm trong ba câu "*vì tướng xuất thế, vì thường theo Phật, vì Phật pháp phải nhờ vào Tăng để truyền*" để chân thành, cung kính cúng dường tất cả tôn giáo trong thế gian; hy vọng mỗi tôn giáo đều có thể tích cực học tập kinh điển của họ, thực hiện kinh điển, khiến cho những giáo huấn trong kinh điển được tỏa sáng rạng rỡ bởi chính những giáo đồ và hàng giáo phẩm, chức sắc, thì hạnh phúc, hòa bình, mỹ mãn vĩnh cửu trên thế gian này mới hòng thực sự thực hiện được.

Giáo học Phật pháp, giáo huấn của cổ thánh tiên hiền Trung Quốc dạy chúng ta những gì? Lúc giảng kinh chúng tôi thường nói: Dạy chúng ta hiểu rõ chân tướng của ba sự thật. Thứ nhất là hiểu rõ quan hệ giữa người và người; thứ hai là dạy chúng ta hiểu rõ quan hệ giữa con người và hoàn cảnh tự nhiên; thứ ba là dạy chúng ta hiểu rõ mối quan hệ giữa con người và trời đất quỷ thần. Hiểu rõ ba điều này! Hiểu rõ rồi mới giác ngộ, không hiểu rõ là mê hoặc, hiểu rõ sẽ giác ngộ!

Giác ngộ rồi, trong đời này ta có phương hướng và mục tiêu chính xác, sống cuộc đời của Phật, Bồ Tát; tức là dùng thiện tâm, thiện ý, thiện hạnh, thiện ngôn, dùng tịnh tâm, tịnh ý, tịnh hạnh, tịnh ngữ để đối đãi hết thảy chúng sanh, đối đãi hết thảy vạn vật. Đức Phật thường nói: "*Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*", chúng ta thực sự học tập được điều đó, giống như

chư Phật, Như Lai, như Pháp Thân Bồ Tát, tâm tịnh khắp pháp giới, ý lành trọn Sa Bà. Để thực hiện trong cuộc sống, Ấn Quang đại sư dạy chúng ta "đôn luân, tận phận, nhàn tà, tồn thành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ" (giữ vẹn luân thường, tận hết trách nhiệm, ngăn lòng tà, giữ lòng thành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ). Phương hướng, mục tiêu nhất định là như vậy.

Thanh Văn là thành tựu vô lượng vô biên công đức lợi ích cho mình lẫn người. Bởi thế, cốt lõi của ba câu ấy, quan trọng nhất là "*thường tùy Phật học*". Họ thường theo học với Phật, tuyệt! Câu này nói rất hay. Nay chúng ta nhất định phải tuân theo sự giáo huấn của đức Phật, lời giáo huấn của Phật nằm trong kinh luận. Kinh luận rất nhiều, "*thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*". Quý vị chọn tu theo bộ kinh luận nào cũng được, đều giống nhau cả. Cần nhất là phải biến những đạo lý được giảng trong kinh luận đó thành tư tưởng, kiến giải của chính mình, đó là điều quan trọng, chúng ta phải thực sự học theo, phải buông xuống thành kiến của chính mình, thuận theo lời Phật răn dạy. Trong kinh luận, đức Phật dạy chúng ta sống như thế nào, làm lụng như thế nào, xử sự, đãi người, tiếp vật ra sao, chúng ta phải hoàn toàn học theo. Sống như Phật, Bồ Tát, sống cuộc đời giác ngộ, chẳng còn mê hoặc nữa!

6.1.1.6.2.2. Biện định duyên do và vai trò của Bồ Tát chúng

Thứ hai, "*Bồ Tát cư trung, tướng bất định cố, bất thường tùy cố, biểu Trung Đạo cố*" (Bồ Tát xếp vào giữa vì hình tướng không nhất định, vì chẳng thường theo Phật, vì biểu thị Trung Đạo). Bốn câu này cần phải giải thích, chớ nên hiểu lầm! "*Tướng bất định*": Bồ Tát hiện tướng tại gia. Quý vị thấy Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần, năm mươi ba vị [thiện tri thức] đều là Bồ Tát. Trong kinh Hoa Nghiêm, nếu nhìn từ bên ngoài, các vị ấy đều là Pháp Thân Bồ Tát, từ bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên. Mang những thân phận nào? Nam, nữ, già, trẻ, các ngành, các nghề! Tướng bất định mà! Chẳng hiện tướng xuất gia, mà là tướng bất định.

"*Bất thường tùy*": Chẳng thường tùy là nói theo phương diện hình tướng. Bọn họ chẳng giống với Thanh Văn hằng ngày kề cận Thích Ca Mâu Ni Phật, họ thường đơn độc giáo hóa một phương, nhưng hết sức coi trọng cơ hội giáo dục, ấy là Bồ Tát! Nhưng quý vị phải nhớ kỹ: Bồ Tát học tập kinh luận của Phật, Bồ Tát không một giây phút nào phóng túng; so ra, Thanh Văn không sao bằng được; Bồ Tát hoàn toàn dung hóa, hoàn toàn thực hiện được. Bởi thế, trong khi sắp xếp, Bồ Tát được xếp vào giữa "*để biểu thị*

Trung Đạo”, chúng ta phải hiểu rõ điều này.

Thanh Văn giống như học trò tiểu học, phải theo thầy, tự mình chưa thuần thục, thầy đặt ra rất nhiều quy củ, nhất định phải tuân thủ. Bồ Tát như sinh viên đại học, như nghiên cứu sinh (post-graduate student), chẳng còn có nhiều quy củ như thế nữa. Vì sao? Họ đã có năng lực tự kiểm chế. Học trò tiểu học không có năng lực tự kiểm chế nên thầy phải đặt ra rất nhiều quy củ để uốn nắn chúng. Bồ Tát là sinh viên đại học, là nghiên cứu sinh, thầy chẳng cần phải bận tâm đến những điều nhỏ nhặt, họ đã có năng lực tự chăm sóc mình. Bồ Tát có năng lực phân biệt chân - vọng, có năng lực phân biệt tà - chánh, thị - phi, thiện - ác, lợi - hại. Bồ Tát có những năng lực ấy, họ tự biết cách tránh xấu, đón tốt, chẳng giống học trò tiểu học chẳng biết gì, thầy phải luôn trông chừng. Bồ Tát biểu thị Trung Đạo.

6.1.1.6.2.3. Biện định duyên do và vai trò của ngoại hộ chúng

"*Thiên nhân lệ hậu*" (trời người được nêu sau cùng), tức "*cập Thích Đề Hoàn Nhân đẳng vô lượng chư thiên đại chúng câu*", họ được xếp sau cùng. "*Thế gian tướng cố*": là người cõi tục, "*phàm thánh phẩm tạp*": Dù là người thế gian, nhưng trong người thế gian lại có Phật, có Bồ Tát ứng hóa trong đó. Dù ứng hóa trong ấy, nhưng họ biểu diễn vai trò phàm phu trong thế gian. Bởi thế, họ vẫn được kể vào sau cùng. "*Ngoại hộ chức cố*": Công việc chủ yếu của họ là ngoại hộ (bảo vệ bên ngoài), hộ trì Phật pháp, đến giúp sức, ủng hộ việc giáo dục của Phật. Bởi thế, họ thị hiện thành quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, hết sức nhiệt tâm đến giúp Thanh Văn, đến giúp Bồ Tát giáo hóa đại chúng, đặc biệt là Thanh Văn; bởi lẽ, Thanh Văn mang hình tướng xuất gia. Giáo hóa chúng sanh phải có rất nhiều tầng thượng duyên, họ đều làm công tác ngoại hộ.

Hiện thời, ta thường nói là xúc tiến một hoạt động, nhất là trong những hoạt động có quy mô lớn, chúng ta biết rõ cần phải có nhân lực, vật lực, tài lực tương đương. Một hoạt động hoằng pháp quy mô lớn trong Phật pháp, nếu có từ một vạn người, hai ba vạn người trở lên tham gia, chúng ta hãy nghĩ xem cần phải có địa điểm to lớn. Tất nhiên người từ bốn phương tám hướng dồn đến, phương tiện giao thông, chỗ ở, ăn uống cho ngần ấy người chẳng phải là chuyện dễ. Bởi thế, phải có một tổ chức có khả năng mạnh mẽ mới có thể chu toàn hoạt động ấy. Trong hoạt động đó có những người đến diễn giảng, giảng kinh, đương nhiên cũng có khả năng là mọi người đến cùng nhau niệm Phật, ai sẽ lãnh chúng niệm Phật? Chắc chắn cũng có những người nhân cơ hội đó cầu được truyền thọ Tam Quy Ngũ Giới.

Trong công tác từ thiện, nhóm mời những nghĩa công (volunteer, người làm công quả) đảm nhiệm việc tiếp đãi, nghĩa công đảm nhiệm các bộ phận, số người chẳng thể ít được! Tổ chức một đại hoạt động như thế, rất có thể phải cần đến một hai ngàn nghĩa công, lại phải từ thiện tài nguyên, tài lực, vật lực thay đều phải đầy đủ, thì hoạt động ấy mới thành công, mới tổ chức viên mãn được. Những việc ấy do quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ hộ pháp thực hiện, trong xã hội họ ủng hộ sự giáo học của Phật pháp, thúc đẩy sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh. Nhà Phật chúng ta gọi là "pháp hội", người thời nay gọi là "hoạt động". Lúc Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, những hoạt động ấy lớn hay nhỏ, thời gian dài hay ngắn không nhất định, suốt đời Ngài thực hiện hơn ba trăm lượt, giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm. Trong bốn mươi chín năm, Ngài thực hiện hơn ba trăm lần hoạt động. Hoạt động nhỏ thì năm ba ngày, hoạt động lớn có khi hai ba năm. Xưa nay, trong nước, ngoài nước đều chẳng ra ngoài lệ này; vì thế, ngoại hộ hết sức quan trọng.

Có rất nhiều vị ngoại hộ nhiệt tâm dưỡng ấy, ngoại hộ là những chuyên viên, chứ không phải tay mơ; chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong ấy. Trong nhà Phật thường nói: "*Một đức Phật xuất thế, ngàn đức Phật ủng hộ*". Trong số ngàn đức Phật ấy, có khả năng là quá nửa hiện tướng thế gian, mang thân phận tại gia đến hộ trì Phật pháp, chứ chẳng phải là phàm nhân. Mọi người cùng diễn một vở tuồng hay trên sân khấu, nhằm mục đích gì? Nhằm mục đích giáo hóa chúng sanh, dạy dỗ, hướng dẫn xã hội. Chẳng riêng gì Phật giáo như thế, quý vị hãy chú tâm quan sát kỹ, tất cả hết thảy tôn giáo đều là giáo học của thần thánh.

Tôi cùng một số hiệu trưởng các trường đại học bên này cũng thường bàn luận về vấn đề này. Hiện thời, sự giáo dục trong nhà trường chỉ dạy khoa học kỹ thuật, công thương nghiệp, dạy người ta cách kiếm tiền ra sao. Còn quan hệ giữa người với người, con người phải yêu thương, giúp đỡ, tôn trọng lẫn nhau thì không hề giảng đến. Bởi thế, tuy nền giáo dục của các trường hiện nay rất phát đạt, nhưng vấn đề xã hội ngày càng thêm nghiêm trọng. Rốt cuộc là do nguyên nhân nào, có ai thực sự nghiêm túc nghĩ đến hay chẳng? Trong giáo dục hiện tại, chẳng có sự giáo dục của thánh hiền, cho nên chẳng có giáo dục về hạnh phúc. Chỉ có giáo dục thánh hiền mới hòng đạt được hạnh phúc, an định, hòa bình chân chánh.

6.1.1.6.3. Giảng tường tận về Thanh Văn Chúng

6.1.1.6.3.1. Minh định quả vị

Xin hãy xem tiếp:

Giai thị đại A La Hán, chúng sở tri thức.

皆是大阿羅漢。眾所知識。

(*Đều là các vị đại A La Hán, được mọi người quen biết*).

"*Giai thị*" nghĩa là một ngàn hai trăm năm mươi lăm người ấy "đều là". Chúng ta nghe nói như vậy, biết rõ họ đều chẳng phải là người tầm thường. A La Hán vốn là danh xưng của quả vị Tiểu Thừa, quả vị tối cao trong Tiểu Thừa gọi là A La Hán. A là Vô, La Hán là Học; bởi thế, A La Hán dịch sang tiếng Hán là Vô Học. Vô Học nghĩa là như nay chúng ta nói "đã tốt nghiệp". Công khóa tu học của anh thầy đều viên mãn cả rồi, chẳng còn gì để học nữa, thì gọi là tốt nghiệp nơi pháp Tiểu Thừa. Nay ở đây, kinh chép là "*đại A La Hán*", chỉ rõ họ chẳng phải là Tiểu Thừa, mà là Đại Thừa. Địa vị Vô Học trong Đại Thừa là Thập Địa, tức là địa vị Pháp Vân Địa thứ mười trong mười Địa. Nói cách khác, một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị đây, học vị thấp nhất là Pháp Vân Địa Bồ Tát, địa vị cao lắm!

Kinh Nhân Vương chia Bồ Tát thành năm bậc, đều dùng chữ Nhẫn để gọi, cao nhất là Tịch Diệt Nhẫn. Pháp Vân Địa Bồ Tát là Tịch Diệt Nhẫn. Thấp hơn một bậc là Vô Sanh Pháp Nhẫn, Vô Sanh Pháp Nhẫn ai nấy đều nghe quen, trong kinh nhắc đến rất nhiều. Trong kệ Hồi Hướng cũng thường nói đến, còn Tịch Diệt Nhẫn ít nghe đến hơn. Tịch Diệt Nhẫn cao hơn Vô Sanh Pháp Nhẫn. Trong bài kệ Hồi Hướng của Tịnh tông, chúng ta thường niệm: "*Hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sanh*", thường niệm hoài! Ngộ Vô Sanh tức là Vô Sanh Pháp Nhẫn. Vô Sanh Pháp Nhẫn là Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa, ba địa vị này chứng được Vô Sanh Pháp Nhẫn. Địa thứ mười, Đẳng Giác, Diệu Giác (Diệu Giác là quả vị Như Lai), ba địa vị này là Tịch Diệt Nhẫn, thanh tịnh tịch diệt. Kinh Lăng Nghiêm nói: "*Sanh diệt ký diệt, tịch diệt hiện tiền*" (Sanh diệt đã diệt rồi, tịch diệt hiện tiền), nói về cảnh giới này, đây là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Như vậy, quý vị mới hiểu thân phận rất ráo của những vị đó. Trên sân khấu, họ đóng những vai khác nhau, chứ sự thật đều là Phật, Bồ Tát Tịch Diệt Nhẫn.

Đã nói đến A La Hán thì cũng phải giới thiệu đơn giản như thế này:

Trong danh từ A La Hán bao gồm ba ý nghĩa:

1) Thứ nhất là Ứng Cúng. Phước huệ viên mãn, trong Tiểu Thừa là tiểu viên mãn, trong Đại Thừa là đại viên mãn. Ngài xứng đáng tiếp nhận đại chúng cúng dường, cho nên gọi là Ứng Cúng. Vì sao? Ngài thực sự là ruộng

phước cho hết thảy chúng sanh, cúng dường Ngài có phước báo, gieo phước điền! Phước báo rốt cuộc ở tại đâu? Ta gieo phước ấy, ta được những gì? Con người hiện thời khởi tâm động niệm chẳng lìa khỏi tánh thực dụng, đúng là rất thực dụng, không giả chút nào! Vị A La Hán đó có trí huệ, có đạo đức, có năng lực, chúng ta cúng dường Ngài, phục vụ Ngài, chúng ta không có trí huệ, chẳng có phước báo, Ngài trụ trong thế gian này, hoặc bất luận trụ trong thế giới nào, Ngài luôn mang thiện tâm thiện ý giáo hóa chúng sanh, dạy những gì? Dạy làm sao tu phước, dạy làm sao tu huệ. Quý vị nói xem hạng người như vậy ta có nên cung kính cúng dường hay chẳng? Chúng ta cung kính cúng dường có phải là được phước báo hay chẳng? Thực sự được phước báo.

Trong sự nghiệp của Ngài, ta có một phần duyên trong đó. Cúng dường bất luận là bao nhiêu, thành tâm, thành ý, đó là pháp bình đẳng. Cúng dường bao nhiêu không bàn đến, thành tâm thành ý cúng dường, tận tâm tận lực cúng dường, quý vị đạt được phước huệ trọn phần. Tận tâm tận lực cúng dường, thành tâm thành ý cúng dường, quý vị đạt phước huệ chân thật. Quý vị ức niệm Ngài, quan sát Ngài, thường xuyên nghĩ đến Ngài, tự nhiên ta sẽ sanh trí huệ, sanh phước đức. Chúng ta học Phật, thử hỏi có phải là chúng ta thường nghĩ đến Thích Ca Mâu Ni Phật, hoặc thường nghĩ đến A Di Đà Phật, thường xuyên quán sát Thích Ca, Di Đà. Các Ngài chẳng ở đây, ta quan sát bằng cách nào? Trong kinh điển giới thiệu rất rõ ràng, đọc tụng kinh điển là quan sát những hành vi của các Ngài.

Ngài đối với hết thảy mọi người, đối với hết thảy chúng sanh - hết thảy chúng sanh ở đây bao gồm cả hoàn cảnh tự nhiên, thực vật, khoáng vật. Hiện tượng tự nhiên đều do các duyên hòa hợp mà sanh; bởi thế, đều gọi là "chúng sanh". Quán sát Ngài đối đãi thiên địa quỷ thần bằng cái tâm gì, thái độ như thế nào, hành vi ra sao? Chúng ta phải học tập theo đó. Bởi lẽ, tâm lòng, thái độ, cách làm của Ngài đều là thuần chánh, chánh chứ không tà, giác chứ không mê, tịnh chứ chẳng nhiễm, thuần tịnh, thuần chánh, thuần giác. Quý vị tụng kinh, hăng ngày niệm kinh, miệng có, tâm không, chẳng thể đạt được lợi ích. Quý vị xem chẳng phải là cổ đức thường dạy chúng ta: "*Tụng kinh phải tùy văn nhập quán*" đó sao? Dõi theo kinh văn, khiến cho kinh văn và tâm mình dung hợp thành một thể, thì gọi là "*tùy văn nhập quán*", thực sự biến thành của mình thì mới thực sự được lợi ích.

Nếu kinh vẫn là kinh của Thích Ca Mâu Ni Phật, tư tưởng kiến giải của chính mình vẫn là phiền não tập khí thì có ích gì? Đọc kinh kiểu đó chỉ là tốt lành ngoài miệng mà thôi, tâm hạnh chẳng hề thay đổi, chẳng dung nhập, chẳng kế nhập. Bởi thế, quý vị chẳng thể kế nhập cảnh giới nói trong

kinh luận. Quý vị chẳng hấp thụ được một tí xíu xiu chất bổ nơi kinh luận! Kinh ấy chỉ niệm tụng; thời gian, tinh lực đều lãng phí hết. Nói dễ nghe hơn một chút là "một phen thoảng qua tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo", gieo hạt giống vào A Lại Da Thức mà thôi, hiện tại chẳng khởi tác dụng. Nói như vậy cũng là thật, chẳng giả đâu! Do vậy, có đọc vẫn hơn tốt hơn không đọc. Bất luận quý vị hữu tâm hay vô tâm, trong A Lại Da thức đều được gieo hạt giống. Hữu tâm, có ý thức đọc thì sức của chủng tử ấy mạnh hơn một chút. Vô tâm, vô ý, bất đắc dĩ miễn cưỡng tiếp nhận thì sức của chủng tử ấy rất yếu mỏng. Bồ thí, cúng dường là tu phước! A La Hán là Ứng Cúng.

Trước lúc chứng A La Hán thì ôm bát khất thực, bởi thế trong nhà Phật gọi Khất Sĩ; tỳ-kheo xưng là Khất Sĩ (chữ tỳ-kheo có ba ý nghĩa); chứng A La Hán rồi, chẳng gọi là Khất Sĩ nữa, mà gọi là Ứng Cúng. Khất là khất thực, người Trung Quốc gọi là "khất cái" (ăn mày), nhưng họ chẳng phải là Cái mà là Sĩ. Sĩ là gì? Là người đọc sách ở Trung Quốc. Tỳ-kheo có đạo đức, có học vấn, nên gọi là Sĩ.

2) Ý nghĩa thứ hai, A La Hán có nghĩa là Sát Tặc (giết giặc). Trong quá khứ, trước kia tôi ở Đà Loan, đã từng có một vị linh mục Thiên Chúa giáo cũng thường xem kinh Phật. Có lần, ông ta hỏi tôi: "Sao A La Hán vẫn còn bất thiện như thế? Ông ta còn sát tặc! Phật giáo các ông nói chẳng sát sanh, sao ông ta lại giết giặc?" Đó là đọc theo văn tự, chẳng hiểu rõ ý nghĩa bên trong. "Tặc" ở đây không phải là người, mà là gì? Là phiền não, ví phiền não như kẻ giặc. Bởi lẽ, nếu chúng ta gặp phải giặc, tài vật sẽ bị chúng nó cướp hết, tổn thất tài vật.

Phật nói con người có phiền não (Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, Vô Minh phiền não) chướng ngại pháp tài công đức nơi tự tánh, khác nào bị kẻ trộm đoạt đi, chẳng dùng được, chẳng thọ dụng được. Bởi thế, ví phiền não như giặc, Sát Tặc là đoạn phiền não, là chuyển biến phiền não, có nghĩa như vậy, chứ chẳng phải là thực sự giết người! Phật, Bồ Tát dầu gặp kẻ trộm vật hay cường đạo đến uy hiếp, cướp đoạt, các Ngài vẫn gật gù, cười mỉm, hoan hỷ, sung sướng, chắc chắn chẳng so đo, lẽ đâu giết nó! Bởi thế, Tặc ở đây là phiền não. Tại nhân địa (khi còn tu nhân), tức là nơi tỳ-kheo thì xưng là Phá Ác, tức là đoạn ác tu thiện.

3) Thứ ba, A La Hán có nghĩa là Vô Sanh. Tiểu Thừa A La Hán chẳng còn thọ sanh trong luân hồi lục đạo, đã dứt sanh tử trong luân hồi lục đạo. Họ có vào luân hồi lục đạo là thừa nguyện tái lai, chứ chẳng vì nghiệp lực, bởi thế gọi là Vô Sanh. Nơi nhân địa, tỳ-kheo xuất gia gọi là Bồ Ma. Một người thực sự phát tâm xuất gia, Ma Vương đau đầu, cảm thấy hoảng sợ, vì sao?

Ma Vương ái dục hết sức nặng, mà cũng hết sức chấp trước. Hẳn thống trị thế gian này, tất cả hết thầy người, hết thầy chúng sanh trong thế gian hẳn đều cho là quyến thuộc của mình. Nay quyến thuộc đó phát tâm xuất gia, muốn lìa khỏi hẳn, muốn vượt khỏi tam giới lục đạo, hẳn rất bực bội, cho nên hoảng hốt. Đó là ý nghĩa thứ ba.

Nay chúng ta hiểu Đại A La Hán, Đại A La Hán Vô Sanh, phải nhanh chóng đoạn hết vô minh, bốn mươi một phẩm vô minh chỉ còn hai phẩm chưa đoạn, thực sự vô sanh. Sát Tặc cũng là đoạn phiền não, đoạn sạch Trần Sa phiền não, đoạn sạch Kiến Tư phiền não, Vô Minh phiền não cũng sẽ phải đoạn sạch. Trí huệ, năng lực, tướng hảo giống như Phật quả, chẳng kém Như Lai cho mấy, hết sức gần, Bởi thế, Ngẫu Ích đại sư lại bảo chúng ta: Các vị ấy đều là Pháp Thân đại sĩ, thị hiện thân phật Thanh Văn để vì chúng ta chứng minh pháp môn Tịnh Độ trì danh niệm Phật này chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, gọi là Đại.

Những vị ấy gần bên đức Phật, mỗi cá nhân đều thị hiện có năng lực thù thắng, nay chúng ta gọi là "chuyên trường" (sở trường). Mỗi cá nhân đều có sở trường thù thắng, được đại chúng trong xã hội biết đến, cũng như nay ta nói "mức độ nổi danh rất cao". Những vị ấy hằng ngày theo Phật, học tập theo Phật, người thế gian trông thấy như vậy sẽ chịu ảnh hưởng của họ: Nhất định là Phật rất có đạo đức, rất có học vấn; nếu không, những vị kia sao lại học với Ngài? Bởi thế, các vị ấy là Ảnh Hưởng Chúng của hết thầy đại chúng. Giúp Phật giáo hóa chúng sanh, đó là "*chúng sở tri thức*". "*Chúng*" là đại chúng trong xã hội. Đại chúng trong xã hội đều hay biết, mức độ nổi danh rất cao, ai nấy đều nhận biết ("tri thức"). Hoặc có thể nói: Tri là nghe tiếng, Thức là từng gặp mặt. Hiểu ở mức độ sâu hơn, Tri là biết người ấy, cũng như đã từng gặp gỡ người ấy; Thức là gì? Thức là khá hiểu rõ, biết rõ người ấy. Tiếp đó, kinh nêu danh hiệu các bậc Thượng Thủ.

6.1.1.6.3.2. Nêu tên chúng Thanh Văn thượng thủ

Trưởng lão Xá Lợi Phất.

長老舍利弗。

Tổng cộng gồm mười sáu vị. Ngẫu Ích đại sư chia thành sáu loại lớn:

1) Loại thứ nhất là đạo đức, trí huệ, tài năng, "*đức huệ tài năng*" là loại thứ nhất.

2) Loại thứ hai tương phản sát sao, "*ngu muội độn căn*". Ngụ muội độn

căn chỉ có một vị, trong mười sáu vị chỉ có một vị, khi nào giảng đến, tôi sẽ giới thiệu cùng quý vị.

3) Loại thứ ba là "*hiển thị nhân quả*". Hiển (顯) là tỏ rõ, Thị (示) là trình bày. Quả khứ gieo nhân, hiện tại chịu quả báo.

4) Loại thứ tư hoàn toàn tương phản, "*thiện tàng dưỡng hối*" (khéo giấu công phu tu dưỡng). Các vị này thực sự có đạo đức, có học vấn, có năng lực, nhưng chẳng tỏ lộ. Quý vị thấy họ tựa hồ tầm thường, nhìn chẳng ra đâu. Người Trung Quốc thường nói những người như vậy là "*thâm tàng bất lộ*"; nhưng Ngẫu Ích đại sư dùng nhóm chữ ấy rất hay, thâm tàng bất lộ không bằng "*thiện tàng dưỡng hối*".

5) Loại thứ năm là "*thế pháp phương tiện*", tức là tùy thuận thế gian, hành pháp phương tiện.

6) Cuối cùng là "*tinh tấn phá chướng*", dũng mãnh, tinh tấn phá nghiệp chướng.

Chia thành sáu loại, nay chúng tôi giới thiệu từng vị một.

Vị thứ nhất là Xá Lợi Phất (Sāriputra), "*trưởng lão Xá Lợi Phất*". Trong Phật pháp, Ngài đức cao trọng vọng, lại còn cao tuổi. Tuổi tác trẻ quá chẳng thể xưng là "*trưởng lão*", nói chung phải có tuổi một chút. Trong quá khứ phải từ bốn mươi tuổi trở lên. Người bốn mươi tuổi trở lên, có đạo đức, có học vấn mới xưng là Trưởng Lão. Phật môn cũng chẳng ngoại lệ, nhà Phật tính theo thời gian xuất gia. Quý vị xuất gia đã lâu, có đạo đức, có học vấn, mọi người tôn xưng là Trưởng Lão. Trong các đồng học, ngài Xá Lợi Phất đại diện cho trí huệ bậc nhất. Nếu nói theo cách bây giờ, Ngài là một triết gia.

Trong xã hội đương thời, vị này đức cao trọng vọng, mọi người đều biết Xá Lợi Phất trí huệ trác tuyệt, biện tài vô ngại, suốt cả đời chưa từng gặp đối thủ. Thử nghĩ con người như thế theo học với Thích Ca Mâu Ni Phật, suốt đời chẳng lìa khỏi Thích Ca Mâu Ni Phật, ở sát bên Thích Ca Mâu Ni Phật thì Thích Ca Mâu Ni Phật là người như thế nào mà có thể khiến cho Xá Lợi Phất tâm phục, khẩu phục, biểu hiện ra hành động như thế? Tất nhiên Thích Ca Mâu Ni Phật đáng để chúng ta tôn kính, đáng để chúng ta học theo. Quý vị nhìn vào Xá Lợi Phất thì hiểu Ngài giúp Phật giáo hóa chúng sanh. Chúng tôi đọc trong kinh thấy Thích Ca Mâu Ni Phật nói Xá Lợi Phất là cổ Phật tái lai, đã thành Phật từ bao nhiêu kiếp trước. Nay Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành Phật tại nơi đây, Ngài cũng đến, thị hiện thân phận Thanh Văn, giúp Thích Ca Mâu Ni Phật giáo hóa. Vị thứ hai là:

Ma Ha Mục Kiền Liên.

摩訶目犍連。

Ma Ha (Mahā) là tiếng Phạn có nghĩa là Lớn. Đương thời, tôn giả Mục Liên (Maudgalyāyana) cũng rất nổi danh, được biết đến rất nhiều. Sở trường của Ngài là "*thần thông đệ nhất*", cũng giống như nay ta nói Ngài là nhà khoa học. Thần thông của các nhà khoa học hiện nay thực sự chẳng thể so sánh với ngài Mục Liên. Thiên nhãn của ngài Mục Liên thấy được tam thiên đại thiên thế giới, thấy được thế giới nhỏ li ty. Khoa học gia hiện tại phát minh ra những khí cụ: Viễn vọng kính có thể thấy được rất xa, kính hiển vi thấy được thế giới vi sinh vật; nhưng các nhà khoa học sáng chế rất nhiều khí cụ, lợi dụng những khí cụ đó để quan sát, chứ ngài Mục Liên không cần đến chúng. Ngài thị hiện thần thông biến huyền khiến cho người ta tôn kính. Hai vị tôn giả này đều là đạo đức, trí huệ, tài nghệ vượt trội hơn người, trong tất cả các đồng học, nói theo cách chúng ta hiện thời, hai ngài là bậc nhân tài kiệt xuất. Vị thứ ba là:

Ma Ha Ca Diếp.

摩訶迦葉。

Vị này cũng thị hiện rất nhiều tài nghệ. Ma Ha dịch là Đại, Đại Ca Diếp (Mahā-Kāśyapa). Ngài có năm trăm đồ chúng (đệ tử), sau đều quy y Thích Ca Mâu Ni Phật, toàn bộ biến thành Thượng Tùý Chúng của Phật. Danh hiệu Ca Diếp có nghĩa là Âm Quang (uống ánh sáng); trên thân Ngài có ánh sáng vàng, ánh sáng vàng rờng từ đâu có? (Bởi thế Ngài cũng là thị hiện nhân quả). Trong quá khứ, Ngài dùng vàng rờng tu bổ tượng Phật. Tượng Phật cũ rồi, tượng Phật thếp vàng, nhưng vàng thếp bị rớt mất, chẳng còn trang nghiêm nữa. Ngài phát tâm thếp vàng, bởi thế, cảm được quả đời đời kiếp kiếp thân có ánh sáng vàng rờng. nhục nhãn phàm phu không thấy được sự việc này, chứ nói thật ra, hoàn toàn không khó thấy, người tu Định đều có thể thấy. Tâm địa thanh tịnh thì quý vị sẽ thấy thân của mỗi cá nhân đều có ánh sáng vàng rờng, màu sắc chẳng giống nhau, lớn nhỏ khác nhau. Từ màu sắc của ánh sáng có thể biết được tình trạng sức khỏe, đó là điều người hiện thời rất quan tâm. Rất nhiều người luyện Khí Công có chút thành tựu, thấy được khí của người khác, nhà Phật chúng ta gọi là Quang, họ gọi là Khí.

Khi trước tôi ở Mỹ Quốc, ở Gia Nã Đại, từng gặp những người có công năng đặc dị từ Trung Quốc đến. Họ là bậc thầy Khí Công, bọn họ dạy Khí

Công ở đó. Họ đều có thể thấy được, thấy người nào trên thân có quang minh hoàng kim là tốt nhất. Ánh sáng vàng, ánh sáng trắng, ánh sáng đỏ, ánh sáng lam, ánh sáng màu tro, rất nhiều thứ. Thầy Khí Công cũng trị bệnh cho người ta, họ trị bệnh bằng cách nhìn màu của Khí, tìm ra bộ vị mắc bệnh, sau đó mới trị liệu, cũng có hiệu quả khá khá. Bởi thế, người theo học rất nhiều. Giống như họ thấy được, người tu Định cũng thấy được.

Tôn giả Ca Diếp là kim quang, quang minh màu vàng ròng, Ngài là vị Đầu Đà đệ nhất. Đầu Đà (Dhuta) là khổ hạnh, khổ hạnh Tăng. Ngài Ma Ha Ca Diếp nhà cửa giàu có, xuất thân là con cháu gia đình giàu có mà có thể tu khổ hạnh, thật hiếm có, đáng quý! Nếu xuất thân từ gia đình bần cùng mà tu khổ hạnh thì nói trắng ra chẳng khiến mấy ai chú ý. Ngài xuất thân từ gia đình phú quý, lại muốn tu khổ hạnh, đại chúng trong xã hội rất chú ý. Vì sao Ngài sống cuộc đời như thế? Trong phương thức sanh hoạt ấy nhất định có đạo lý, nếu không, sao Ngài lại vứt bỏ phú quý, buông bỏ hết thảy hưởng thụ, đi tu khổ hạnh? Tu khổ hạnh, tham, sân, si, mạn, danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần thảy đều thực sự buông xuống. Buông xuống liền được đại tự tại! Thích Ca Mâu Ni Phật "*niêm hoa vi tiếu*" (cầm cành hoa giơ lên mỉm cười), đại chúng trong pháp hội khi ấy đều cảm thấy hoang mang, chẳng biết Thích Ca Mâu Ni Phật ngụ ý gì?

Thật ra, chư vị phải hiểu các Ngài đều diễn tuồng. Một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị ấy, đừng nói chi khác, chỉ đơn giản là Thường Tùy Chúng của đức Thế Tôn, đều là đại A La Hán, lẽ đâu chẳng biết! Đương nhiên là biết! Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên đều là cổ Phật tái lai, ngài Ca Diếp cũng là cổ Phật tái lai. Vai kịch cuối cùng giao cho Ngài diễn, dành cho ngài Ma Ha Ca Diếp biểu diễn. Bởi thế, ngài Ca Diếp thấy động tác ấy của đức Thích Ca Mâu Ni Phật bèn mỉm cười, Thích Ca Mâu Ni Phật giao cành hoa cho tôn giả, nói: "*Ta có Niết Bàn diệu tâm, Ca Diếp hiểu được ý ấy, bèn giao cho ông ta*". Ngài trở thành Sơ Tổ Thiên Tông. Câu chuyện này có chép trong kinh điển.

Bởi vậy, Ngài "*khổ hạnh thanh cao*", Thiên tâm là chân tâm, mọi người chúng ta thấy Ngài rất khổ, cuộc sống rất khổ. Thật ra, Ngài sướng ta không hiểu nổi. Ngài ở trong cảnh giới Thiên, chúng ta sống trong ngũ dục lục trần, khổ lắm! Các Ngài thấy đó là khổ. Ta thấy các Ngài khổ, các Ngài thấy ta khổ. Ta cho mình rất vui, ta chẳng hiểu được niềm vui của các Ngài. Niềm vui Thiên Duyệt, đừng nói chúng ta không thể hiểu tí xít gì về niềm vui Thiên Duyệt, ngay cả niềm vui đọc sách chúng ta cũng chưa thể hiểu nổi. Khổng lão phu tử nói "*học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ*" (học rồi làm theo, cũng chẳng vui ư), nay chúng ta "học rồi làm theo, chẳng khổ

lắm ư?” Khổ quá chừng, vui ở chỗ nào? Bởi thế, đừng nói là cảnh giới của Phật, Bồ Tát; cảnh giới của Khổng lão phu tử đã có mấy ai hiểu nổi? Trong lịch sử Trung Quốc, người thực sự hiểu được niềm vui đọc sách chẳng có mấy ai! Hiểu được niềm vui đọc sách đều là thánh hiền. Hiểu được niềm vui Thiền Duyệt là cảnh giới của Bồ Tát, đâu phải cảnh giới phàm nhân!

Tối cao là "*sanh diệt đã diệt, tịch diệt là vui*", là sở chứng thuộc quả vị Như Lai. Từ Cửu Địa Bồ Tát trở về trước đều không có cách chi hiểu được. Vì thế, trong pháp tánh có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, là chuyện thật, chứ không phải giả. Thường là bất sanh, bất diệt, vĩnh hằng bất biến. Lạc là niềm vui thực sự, quyết định chẳng khổ. Ngã là chủ thể, là tự tại. Tịnh là thanh tịnh, mảy trần chẳng nhiễm. Trong tự tánh vốn sẵn có [những đức năng] như thế, đức Phật gọi là "*tứ tịnh đức*", [tức là] bốn thứ đức lớn thanh tịnh, hết thảy chúng sanh ai nấy đều có đủ.

Vì sao bốn tịnh đức của quý vị chẳng hiện tiền? Vì vọng tưởng, chấp trước, nên chẳng thể chứng đắc. Là vọng tưởng, chấp trước là Thiền Định rất sâu. Bởi thế, Thiền Định chẳng phải là "*diện bích*" (nhìn vào vách), Thiền Định diện bích chẳng khởi tác dụng. Thiền Định là sống động, trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, đi, đứng, nằm, ngồi thảy đều là Thiền, vì hết thảy chúng sanh thị hiện mọi thứ, giáo hóa đủ cách. Tâm kẻ ấy là tâm thanh tịnh, chẳng hề khởi tâm, động niệm; phân biệt, chấp trước, thảy đều chẳng có. Vì sao họ làm được như vậy? Tánh đức tự nhiên lưu lộ, pháp vốn là như vậy, người ấy vốn sẵn là như vậy.

Vì vậy, nếu quý vị hỏi vì sao những mẫu nước kết tinh của tiến sĩ Giang Bồn Thăng lại có những biến hóa như thế? Nó vốn sẵn là như thế, chắc chắn chẳng hề có mảy may vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nào, nhất định chẳng có; nhưng nước có năng lực, năng lực ấy là bản năng (năng lực sẵn có) có thể phản ứng thuận theo hoàn cảnh bên ngoài. Do phản ứng nên tạo thành biến hóa. Tình hình, năng lượng bên ngoài thiên biến vạn hóa, nước cũng phản ứng biến hóa theo. Bởi vậy, chắc chắn chẳng có hai kết tinh giống nhau. Điều này cho thấy hết thảy chúng sanh chẳng có hai người có cùng ý niệm, vì ý niệm sanh diệt trong từng sát-na. Trong một đời này, đời đời kiếp kiếp, chắc chắn quý vị chẳng có hai ý niệm nào hoàn toàn tương đồng! Từ phản ứng kết tinh của vật chất, quý vị có thể chứng minh được điều đó. Lại xem tiếp vị thứ tư:

Ma Ha Ca Chiên Diên.

摩訶迦旃延。

Đây cũng là bậc đức huệ, tài năng, luận nghị bậc nhất. Ca Chiên Diên (Katyayana) là tiếng Phạn, dịch nghĩa sang tiếng Hán, thì cổ nhân có vị dịch là Văn Súc. Văn (文) là văn thái (phong cách văn chương), Súc (飾) là bóng bẩy. Nói theo ngôn từ hiện thời, Ngài là nhà văn học, cũng là vị rất nổi danh trong xã hội đương thời, luận nghị bậc nhất. Luận nghị, có thể nói theo cách bây giờ là bình luận gia. Muốn trở thành một bình luận gia, nhất định phải biết nhiều thấy rộng, học rộng nghe nhiều thì mới làm được. Ngài có học vấn cao thâm, thực sự có trí huệ, học thức phong phú, mới có thể thành một bình luận gia hạng nhất được, luận nghị bậc nhất. Nay đã hết giờ rồi.

Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sư Toàn Tập Giảng Ký, phần 2 hết

16[1] Nghĩa thú: Chỗ quy kết của toàn bộ nghĩa lý trong một bộ kinh.

17[2] Tỳ-kheo Cát Tường Vân (Meghasrī-bhikṣu), còn được dịch là tỳ-kheo Đức Vân (trong Bát Thập Hoa Nghiêm).

18[3] Bản Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên Phẩm hiện đang lưu hành hiện thời là quyển cuối bị thiếu trong bản Tứ Thập Hoa Nghiêm, bản Bát Thập Hoa Nghiêm gọi phẩm tên phẩm này là Nhập Pháp Giới. Trong Tứ Thập Hoa Nghiêm, phẩm này có tên gọi là Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên Phẩm, gồm 40 quyển.

19[4] Biểu giải là chia nội dung của một văn bản thành những đoạn (gọi là khoa mục), lập tựa đề cho từng đoạn (khoa đề) nhằm nói lên những ý nghĩa chính của đoạn đó, rồi vẽ thành biểu đồ. Nói cách khác, lập "biểu giải" trong khoa pháp giống như lập một sườn bài ghi những chủ đề chính yếu cho một văn bản, nhằm thể hiện kết cấu của văn bản ấy. Nhìn vào biểu giải, người giảng kinh sẽ dễ dàng nắm được ý nghĩa của toàn bộ bản kinh cũng như tùy ý nói rộng hay hẹp mà không sợ lạc đề, quên mất ý chính. Để lập biểu giải, phải nghiền ngẫm ý kinh, tìm ra được những ý tưởng chính yếu trong từng đoạn cũng như ý chính tổng quát của bản kinh, nên lão pháp sư mới nói: "*Chương pháp, kết cấu, hệ thống của kinh đều bày ra được hết thì quý vị đã thông đạt bộ kinh ấy*".

20[5] Đây là cách phân đoạn bản chú giải thuở xưa. Chẳng hạn phân đoạn thứ nhất là Giáp, trong phân đoạn đó có ba đoạn nhỏ, thì mỗi đoạn nhỏ được đánh số là Ất. Trong mỗi đoạn Ất, lại chia thành nhiều ý nhỏ thì mỗi ý nhỏ được đánh số là Bính v.v...

21[6] Thiên Can là Giáp, Ất, Bính, Đinh v.v... Địa Chi là Tý, Sửu, Dần, Mão v.v... Can có nghĩa là thân chính, Chi là cành nhánh. Cách đánh số thứ tự này được đặt ra từ nhà Hạ. Có nhiều cách giải thích tên gọi của Thiên Can, phổ biến nhất là dựa theo ý nghĩa chu kỳ sinh trưởng của thực vật, chẳng hạn Can là vừa nứt mầm, Ất là mầm cây trời lên khỏi mặt đất, Bính là tăng trưởng là mạnh mẽ, cho đến Tân là hạt đã chín rơi xuống, chuẩn bị cho chu kỳ sinh trưởng kế tiếp, Nhâm là cây bắt đầu suy kiệt, Quý là cây tàn lụi, vùi trở lại trong lòng đất. Địa Chi là cách chia quỹ đạo vận hành của Mộc Tinh (sao Jupiter) thành 12 cung, họ gọi Mộc Tinh là Tuế Tinh (ngôi sao chỉ sự vận hành của một năm), tương ứng với chu kỳ vận hành của Mộc Tinh trong 12 năm. Để dễ nhớ, họ gán mỗi cung cho một con vật. Dần dà Thiên Can, Địa Chi được phối hợp với Âm Dương Ngũ Hành, vận dụng trong bói toán, mang nhiều ý nghĩa rắc rối phức tạp hơn là những ký hiệu để ghi nhớ năm tháng như thuở đầu.

22[7] Số Ả Rập (Arabic numeric system): tức những số 1, 2, 3, 4... ta thường dùng hiện tại. Gọi là số Ả Rập vì hệ thống này do người Ả Rập truyền vào châu Âu. Trước kia, châu Âu chỉ biết dùng số La Mã.

23[8] Phanh âm (hay còn đọc là bính âm) là một cách phiên âm tiếng Quan Thoại bằng hệ thống ký hiệu (người Hoa còn gọi nó là "chú âm phù hiệu") cũng như dùng mẫu tự Latin để ghi âm, chẳng hạn như chữ "phóng hạ" (buông xuống) trong tiếng Hán Việt, âm Quan Thoại được ghi là fàng xià. Hoa Nghiêm tự mẫu tức là 42 chữ cái của Phạn văn (Tất Đàm văn tự - Siddham Sankrit), mỗi một chữ được kinh Hoa Nghiêm giảng tương ứng với một pháp môn giải thoát.

24[9] Điển chương là danh xưng để gọi chung tất cả những quy định, pháp lệnh, sắc lệnh trong một triều đại.

25[10] Bình Thành là niên hiệu của vua Nhật hiện tại (Minh Nhân thiên hoàng - Akihito), được sử dụng kể từ năm 1989 (Bình Thành nguyên niên). Theo hoàng gia Nhật, niên hiệu này xuất phát từ phần Ngũ Đế Bản Kỷ sách Sử Ký Tư Mã Thiên: "*Phụ nghĩa, mẫu tử, huynh hữu, đệ cung, tử hiếu, bình nội, ngoại thành*" (Cha có nghĩa, mẹ nhân từ, anh nhường nhịn, em cung kính, con hiếu thảo, trong bình yên, ngoài thành tựu).

26[11] Lịch Hồi Giáo (At-taqwīm al-hijrī) là âm lịch, cách tính toán rất phức tạp. Mỗi năm có 354 hoặc 355 ngày, chia thành 12 tháng. Năm thứ nhất trong lịch Hồi giáo là năm 622, tức năm giáo chủ sáng lập đạo là Muhammad (Mohamed) và bầy tôi là Abu Bakr phải bỏ trốn từ Mecca sang Medina nhằm tránh né một cuộc mưu sát (cuộc lưu vong này thường được gọi là Hijra trong sử Hồi Giáo). Cách tính của lịch Hồi Giáo rất phức tạp, tháng quan trọng nhất là tháng Chín (Ramadan), tức mùa chay, tín đồ Hồi Giáo phải nhịn ăn từ lúc mặt trời mọc cho đến khi mặt trời lặn trong suốt tháng ấy.

27[12] Tông: Điều chánh yếu hay pháp môn chánh yếu được đề cao bởi một bộ kinh. Hay nói theo ngôn ngữ hiện thời là chủ đề chính của một bộ kinh.

Thú: Kết quả, mục tiêu sẽ đạt được do tu tập pháp môn ấy.

28[13] Dòng chảy ở đây chính là "hải lưu" (ocean current). Những dòng hải lưu ấy thường chuyển động theo chiều kim đồng hồ ở Bắc Bán Cầu và ngược chiều kim đồng hồ ở Nam Bán Cầu. Chúng sanh ra do tỷ trọng và nhiệt độ của nước, hướng gió khác nhau trên từng vùng biển. Nổi tiếng nhất là hải lưu Gulf Stream chảy từ cực Nam bán đảo Florida, dọc theo bờ biển Đông Hoa Kỳ và vùng Newfoundland trước khi đổ ra Đại Tây Dương.

29[14] Thiên chân Niết Bàn: Niết Bàn của Tiểu Thừa chưa viên mãn, thấy chân tướng sự thật còn thiên lệch, chưa viên mãn, chấp vào tịch diệt, nên còn gọi là "trầm không, trệ tịch".

30[15] Phạm sát (Brahmākshetra): Phạm có nghĩa là thanh tịnh. Sát có nghĩa là khu vực, chẳng hạn Phật độ, Phật quốc, đều gọi là Phật sát. Phạm sát có nghĩa là ngôi chùa thanh tịnh.

